

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN

Từ ngày 22/1/2026 đến ngày 24/1/2026

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 177/KL-TTR

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2026

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTr ngày 26/01/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc. Từ ngày 02 tháng 3 năm 2026 đến ngày 04 tháng 5 năm 2026, Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc, kiểm tra, xác minh các tài liệu tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 11/BC-ĐTTrQĐ40, ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Báo cáo số 38/BC-TTĐ ngày 06/7/2026 của Tổ thẩm định, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Đăk Kôi được thành lập tại Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Xã Đăk Kôi được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai xã Đăk Kôi và Đăk Tơ Lung, thuộc huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (cũ); là xã miền núi, có vị trí địa lý cách Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh gần 200 km, có tổng diện tích tự nhiên là 45.047,81 ha (trong đó Đăk Tơ Lung là 12.420,1 ha, Đăk Kôi là 32.627,71 ha). Tổng dân số trên địa bàn toàn xã là 6.043 người/1.649 hộ, trong đó người đồng bào dân tộc thiểu số 5.629 người chiếm 93,15% và 1.502 hộ chiếm 91,08 %. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã là 132 hộ, chiếm tỷ lệ 8,27%, hộ nghèo dân tộc thiểu số là 132 hộ/132 hộ chiếm tỷ lệ 100%; hộ cận nghèo là 103 hộ, chiếm tỷ lệ 6,25%, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 102 hộ/103 hộ chiếm tỷ lệ 99,03%. Cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn xã chủ yếu là dân tộc Xơ Đăng, Tơ Đơ và một số dân tộc thiểu số khác như: Ba Na, Tày, Nùng, Thái, Mường,.... dân cư phân bố rải rác tại các thôn, làng trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

a) Tại Trường Mầm non Đắk Kôi

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại đơn vị.

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ¹ theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Nhìn chung, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước².

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đơn vị công khai bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai và trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo thời gian quy định.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong 2 năm (năm 2024 và năm 2025) đơn vị không được giao cơ chế tự chủ, nguyên nhân do UBND tỉnh Kon Tum (cũ) chưa ban hành đơn giá dịch vụ công; công tác quản lý tài chính được thực hiện theo các quy định hiện hành, dự toán được giao, và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

+ Đơn vị đã chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán, cuối

¹ Gồm: Quyết định số 01/QĐ-MN ngày 03/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 05/QĐ-MN ngày 08/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

² Gồm: Kế hoạch số 02/KH-MN ngày 15/01/2024 về việc tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024; Biên bản số 03/BB-MN ngày 10/03/2025 về việc tự kiểm tra Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024; Báo cáo số 06/BC-MN ngày 10/03/2025 về việc báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024.

năm đã in ra, ký đóng dấu theo quy định. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Đơn vị mở các loại sổ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt....*) cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13; Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 được sửa đổi bổ sung Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/6/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra, xác minh thực tế xác nhận: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho giáo viên, nhân viên; các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn và chế độ chính sách cho học sinh kịp thời đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của đơn vị. (*Kết quả cụ thể tại phụ lục 01 kèm theo*).

*** Qua kiểm tra đơn vị có một số nội dung tồn tại như sau:**

- Năm 2024-2025 đơn vị chỉ thuê lao động trong nước (*thuê nhân viên cấp dưỡng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách phát triển giáo dục Mầm non*): Qua rà soát hồ sơ Hợp đồng lao động với bà Y Phùn và Y Phỏi, đơn vị ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và ký lại liên tục (*cùng một nội dung công việc*) là giao kết không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo khoản 1, Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15. Nguyên nhân, đơn vị thực hiện hợp đồng theo định mức cấp dưỡng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, đơn vị không được bố trí nguồn đóng Bảo hiểm xã hội cho nhân viên cấp dưỡng.

- Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về việc quy định chính sách phát triển mầm non và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách: Đơn vị thực hiện chi trả bằng tiền mặt cho phụ huynh 02 lần 01 năm, có danh sách ký nhận đầy đủ. Sau đó thực hiện thu và tổ chức nấu ăn bán trú cho 03 lớp (76/211 học sinh) và 01 nhóm trẻ (23/23 trẻ) theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 7, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, quy trình thực hiện nấu ăn bán trú được thực hiện theo quy định về an toàn thực phẩm theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ngày 12/5/2016 của Bộ Trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học. Tuy nhiên, giai đoạn năm 2024

đến tháng 9 năm 2025 việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ nấu ăn bán trú không có hóa đơn của đơn vị cung ứng thực phẩm, chất đốt, dụng cụ là chưa đảm bảo quy định pháp luật³. Nguyên nhân: Do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm ở vùng sâu, vùng xa cho các đơn vị rất ít, chưa mở được giấy phép kinh doanh (*Rất khó khăn cho việc xuất hóa đơn cho trường*). Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường (*có hợp đồng, bảng kê mua thực phẩm hàng ngày, giấy giao nhận*). Đa số phụ huynh là người dân tộc thiểu số, chủ yếu làm rẫy ở xa nhà nên việc tổ chức bán trú cho các cháu phần nào giải quyết khó khăn cho phụ huynh trong việc đưa đón trẻ và được 100% phụ huynh học sinh thống nhất (*tại biên bản họp đại diện cha, mẹ học sinh đầu năm*). Trong các năm không có khiếu nại, phản ánh của phụ huynh học sinh về chất lượng các bữa ăn.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công:

Qua kiểm tra, đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, hằng năm có thành lập hội đồng kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản đang quản lý sử dụng so với sổ sách theo dõi quản lý theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

Tại thời điểm kiểm tra nhà học 2 phòng nằm trên địa bàn thôn 4 của trường đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn để bố trí dạy học và làm việc, hiện trạng nhà trường đang tạm sử dụng để làm nhà kho.

b) Trường Mầm non Đăk Tơ Lung

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ⁴ theo quy định. Nhìn chung, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước⁵.

³ Chưa đảm bảo các quy định tại Điều 4 Nghị định 123/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

⁴ Gồm: Quyết định số 02/QĐ-MN ngày 05/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-MN ngày 06/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

⁵ Gồm: Kế hoạch số 09/KH-MN ngày 24/02/2024 về việc tự kiểm tra tài chính năm 2024; Quyết định số 10/QĐ-Mn ngày 26/02/2024 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính năm 2024; Biên bản ngày 30/6/2024 về việc tự kiểm tra tài chính 6 tháng đầu năm 2024; Biên bản ngày 30/12/2024 về việc tự kiểm tra tài chính 6 tháng cuối năm 2024; Báo cáo ngày 31/12/2024 về việc kết quả kiểm tra công tác tài chính năm 2024; Kế hoạch số 12/KH-

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC⁶. Đơn vị công khai đúng quy định, công khai dự toán thu chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện và quyết toán thực hiện bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai và trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo thời gian quy định.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong 2 năm (*năm 2024 và năm 2025*) đơn vị không được giao cơ chế tự chủ do UBND tỉnh Kon Tum (*cũ*) chưa ban hành đơn giá dịch vụ công; công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

+ Đơn vị đã chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTC.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimoso. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Đơn vị mở các loại sổ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt...*) cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13; Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 được sửa đổi bổ sung Thông tư 46/2025/TT-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

MN ngày 10/2/2025 về việc kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2025; Quyết định số 08/QĐ-MN ngày 10/02/2025 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính năm 2025.

⁶ Gồm: Quyết định số 02/QĐ-M ngày 05/01/2024 về việc công bố công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Biên bản số 01/BB-Mn ngày 05/01/2024 về việc niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Báo cáo số 17/BC-MN ngày 29/2/2024 về việc thực hiện công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 03/QĐ-MN ngày 5/1/2024 về việc công bố công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2024; Biên bản số 12/BB-KTNYMN ngày 05/2/2024 về việc kết thúc Niêm yết công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2024; Báo cáo số 14/BC-MN ngày 8/2/2024 về việc thực hiện công khai quy chế quản lý tài sản công năm 2024; Quyết định số 06/QĐ-MN ngày 05/1/2014 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024; Báo cáo số 09/BC-MN ngày 12/02/2024 về việc thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 15/QĐ-MN ngày 10/3/2025 về việc công khai quyết toán năm 2024; Gồm: Quyết định số 04/QĐ-MN ngày 06/01/2025 về việc công bố công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Biên bản số 03/BB-Mn ngày 06/01/2025 về việc niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Báo cáo số 07/BC-MN ngày 06/2/2025 về việc thực hiện công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Quyết định số 05/QĐ-MN ngày 6/1/2025 về việc công bố công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2025; Biên bản số 08/BB-KTNYMN ngày 05/02/2025 về việc kết thúc Niêm yết công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2025; Báo cáo số 08/BC-MN ngày 6/2/2025 về việc thực hiện công khai quy chế quản lý tài sản công năm 2025; Quyết định số 09/QĐ-MN ngày 10/1/2024 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024; Báo cáo số 11/BC-MN ngày 07/02/2025 về việc thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 18/QĐ-MN ngày 10/3/2025 về việc công khai quyết toán năm 2025.

+ Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho giáo viên, nhân viên; các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn và chế độ chính sách cho học sinh kịp thời đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của đơn vị. *(Kết quả cụ thể tại phụ lục 2 kèm theo).*

*** Qua kiểm tra đơn vị vẫn còn một số nội dung tồn tại như sau:**

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động (*hợp đồng thỏa thuận*) trong nước (*thuê nhân viên bảo vệ*): Qua rà soát hồ sơ hợp đồng lao động với Bà Y Chuyền với mức lương là 2.000.000 đồng/tháng chưa phù hợp theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính Phủ và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; đồng thời, đơn vị ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và liên tiếp ký lại nhiều lần cùng một người lao động (*cùng một nội dung công việc*) là giao kết không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động trong nước (*thuê nhân viên cấp dưỡng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP*): Qua rà soát hồ sơ hợp đồng lao động với bà Y Chinh và Y Chúc, nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và liên tiếp ký lại nhiều lần cùng một người lao động (*cùng một nội dung công việc*) là giao kết không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15. Theo ý kiến của đơn vị, đơn vị thực hiện ký hợp đồng theo định mức cấp dưỡng theo điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

+ Hồ sơ thanh toán công tác phí thiếu Giấy đề nghị thanh toán⁷.

+ Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: Đơn vị thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 8 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, quy trình thực hiện nấu ăn bán trú được thực hiện theo quy định về an toàn thực phẩm theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT. Tuy nhiên, giai đoạn năm 2024 đến tháng 9/2025 việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ nấu ăn bán trú không có Hóa đơn của đơn vị cung ứng thực phẩm, chất đốt, dụng cụ là chưa đảm bảo quy định tại Điều 4 Nghị định 123/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Nguyên nhân: do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm cho các đơn vị vùng sâu,

⁷ Giấy rút dự toán số 113 ngày 18/12/2025, thanh toán tiền công tác phí tháng 12/2025, số tiền 900.000 đồng; GRDT số 103 ngày 18/12/2025, thanh toán tiền công tác phí, số tiền 3.900.000 đồng.

vùng xa rất ít, chưa mở được giấy phép kinh doanh (*Rất khó khăn cho việc xuất hóa đơn cho trường*). Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường (*có hợp đồng, bảng kê mua thực phẩm hàng ngày, giấy giao nhận*). Đa số phụ huynh là người dân tộc thiểu số, chủ yếu làm rẫy ở xa nhà nên việc tổ chức bán trú cho các cháu phần nào giải quyết khó khăn cho phụ huynh trong việc đưa đón trẻ và được 100% phụ huynh học sinh thống nhất (*tại Biên bản họp đại diện cha mẹ học sinh đầu năm*). Trong các năm không có khiếu nại, phản ánh của phụ huynh học sinh về chất lượng các bữa ăn.

- Việc quản lý sử dụng tài sản công:

Qua kiểm tra, đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, hằng năm có thành lập hội đồng kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản đang quản lý sử dụng so với sổ sách theo dõi quản lý theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Tại thời điểm kiểm tra nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

c) Trường Phổ thông dân tộc bán trú, trung học cơ sở Đắk Tơ Lung

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ⁸ theo quy định. Nhìn chung, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC⁹.

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC¹⁰. Đơn vị công khai đúng quy định, công khai dự toán thu chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện bằng hình thức niêm yết trên

⁸ Gồm: Quyết định số 09/QĐ-THCS ngày 05/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-THCS ngày 03/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

⁹ Gồm: Kế hoạch số 09/KH-THCS ngày 24/02/2024 về việc tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024; Quyết định số 35/QĐ-THCS ngày 31/12/2024 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính năm 2024; Biên bản ngày 28/2/2025 về việc tự kiểm tra tài chính năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-THCS ngày 24/2/2025 về việc kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2025; Quyết định số 32/QĐ-THCS ngày 31/12/2025 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính năm 2025.

¹⁰ Gồm: Biên bản số 05/BB-NYCK ngày 02/01/2024; Quyết định số 05/QĐ-THCS ngày 02/1/2024; Quyết định số 05a/QĐ-THCS ngày 29/2/2024; Quyết định số 06/QĐ-THCS ngày 25/4/2024; Quyết định số 09/QĐ-HT ngày 01/2/2015; Biên bản ngày 14/12/2024 về việc niêm yết công khai dự toán năm 2025; Quyết định số 16/QĐ-THCS ngày 04/12/2024 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2025; Thông báo số 19/TB-THCS ngày 04/12/2024; Biên bản ngày 31/12/2024 về việc niêm yết công khai Quyết định giao ngân sách năm 2025; Quyết định số 29/QĐ-THCS ngày 31/12/2024 về việc công bố công khai Quyết định giao ngân sách năm 2025; Quyết định số 18/QĐ-THCS ngày 27/06/2025 về việc công bố công khai Quyết định điều chỉnh ngân sách năm 2025; Biên bản số 09/BB-NYCK ngày 01/7/2025 về việc niêm yết công khai Quyết toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2025; Biên bản số 04/BB-NYCK ngày 10/2/2026 về việc niêm yết công khai Quyết toán năm 2025...;

bảng công khai và trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo thời gian quy định.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong 2 năm (*năm 2024 và năm 2025*) đơn vị không được giao cơ chế tự chủ do UBND tỉnh Kon Tum (*cũ*) chưa ban hành đơn giá dịch vụ công; công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

+ Đơn vị đã chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTC.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Đơn vị mở các loại sổ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt....*) theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13; Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 được sửa đổi bổ sung Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

+ Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra, xác minh thực tế xác nhận: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho giáo viên, nhân viên; các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn và chế độ chính sách cho học sinh kịp thời đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của đơn vị. (*Kết quả cụ thể tại phụ lục 03 kèm theo*).

*** Qua kiểm tra đơn vị vẫn còn một số nội dung tồn tại như sau:**

+ Năm học 2024-2025, đơn vị đã thanh toán chế độ giáo viên dạy thể dục theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho ông Nguyễn Đình Cảnh theo mức lương cơ sở cũ với số tiền: 9.236.800 đồng¹¹; nguyên nhân: Đơn vị không được bố trí kinh phí riêng cho giáo viên thể dục mà tự cân đối trong chi thường xuyên nên kinh phí chi cho giáo viên thể dục còn hạn hẹp, do đó nhà trường đã thanh toán theo mức lương cơ sở cũ; trước khi thanh toán, nhà trường đã làm việc trực tiếp với

¹¹ Học kỳ I (từ tháng 9-12/2024): 288 tiết x 18.000 đồng/tiết = 5.184.000 đồng (GRDT 85 ngày 10/10/2024);
Học kỳ II (từ tháng 1-5/2025): 272 tiết x 14.900 đồng/tiết = 4.052.800 đồng (GRDT 48 ngày 13/6/2025).

cá nhân ông Nguyễn Đình Cảnh và được ông Cảnh thống nhất, chia sẻ với khó khăn của nhà trường. Đoàn thanh tra đã làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Đình Cảnh và ông Cảnh thống nhất với nội dung mà nhà trường đã thực hiện chi.

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động (*hợp đồng thỏa thuận*) trong nước (*thuê nhân viên bảo vệ*): Qua rà soát hồ sơ hợp đồng lao động với ông A Liễu mức lương là 2.000.000 đồng/tháng chưa phù hợp theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; đồng thời, nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và liên tiếp ký lại nhiều lần với cùng một người lao động (*cùng một nội dung công việc*) là giao kết không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

+ Một số hồ sơ mua sắm hàng hoá, sửa chữa của đơn vị thiếu kế hoạch, phiếu xuất, nhập kho, biên bản kiểm tra đánh giá hiện trạng¹² là chưa đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Năm 2025, đơn vị thuê nhân viên nấu ăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: Qua rà soát hồ sơ hợp đồng với bà Nguyễn Thị Toàn và Y Lan, nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và ký lại hằng tháng (*cùng một nội dung công việc*) là giao kết không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; nguyên nhân: Đơn vị thực hiện hợp đồng theo định mức quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, đơn vị không được cấp kinh phí để đóng Bảo hiểm xã hội.

- Việc quản lý sử dụng tài sản công

Qua kiểm tra, đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, cuối năm có thành lập hội đồng kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản đang quản lý sử dụng so với sổ sách theo dõi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Tại thời điểm kiểm tra nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

d) Trường Phổ thông dân tộc bán trú, trung học cơ sở Đăk Kôi

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ¹³ theo quy định. Qua kiểm

¹² Giấy rút dự toán số 05 ngày 23/01/2025, chuyển mua hàng hóa khác, số tiền 4.630.000 đồng; GRDT số 77 ngày 24/11/2025, chuyển tiền mua vật tư, hàng hóa phục vụ văn nghệ chào mừng ngày 20/11, số tiền 3.484.000; GRDT số 99 ngày 07/01/2026, chuyển thanh toán tiền sửa chữa thiết bị văn phòng, số tiền 11.418.000 đồng; GRDT số 98 ngày 07/01/2026, chuyển trả tiền mua hàng hóa, vật tư phục vụ cho chuyên môn (in phong, bạt, maket), số tiền 5.800.000 đồng.

¹³ Gồm: Quyết định số 02/QĐ-THCS ngày 03/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-THCS ngày 03/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

tra, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí. Tuy nhiên, một số nội dung theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chưa phù hợp như quy định thanh toán tiền cho hoạt động xét công nhận tốt nghiệp, in sao đề, ra đề kiểm tra¹⁴,...

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC như: Hằng năm đã xây dựng kế hoạch tự kiểm tra và triển khai thực hiện theo quy định.

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC¹⁵. Đơn vị thực hiện bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai và trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo thời gian quy định tại Điều 6, Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong 2 năm (năm 2024 và năm 2025) đơn vị không được giao cơ chế tự chủ do UBND tỉnh Kon Tum (cũ) chưa ban hành đơn giá dịch vụ công; công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán:

+ Đơn vị đã chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTC.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định

14 Đơn vị căn cứ Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với GDPT; nội dung, mức cho đề chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum để thanh toán.

15 Gồm: (1) Năm 2024: Biên bản ngày 08/01/2024 về việc niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 06/QĐ-THCS ĐK ngày 04/01/2024 về việc công bố công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Biên bản số 19/BB-THCS ĐK ngày 08/02/2024 về việc kết thúc niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Biên bản niêm yết công khai tài chính năm 2024; Quyết định số 07/QĐ-THCS ĐK ngày 05/01/2024 về việc ban hành quy chế công khai tài chính năm 2024; Biên bản ngày 08/02/2024 về việc niêm yết kết thúc công khai tài chính năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-THCS ĐK ngày 03/01/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Biên bản ngày 11/02/2025 về việc công khai Quyết toán ngân sách năm 2024; Quyết định số 07/QĐ-THCS ngày 10/02/2025 về việc công khai Quyết toán ngân sách năm 2025; Biên bản ngày 11/3/2025 về việc kết thúc công khai quyết toán năm 2024; Biên bản ngày 04/01/2024 về việc niêm yết công khai quy chế quản lý sử dụng tài sản năm 2024; Quyết định số 05/QĐ-THCS ĐK ngày 04/01/2024 về việc công bố công khai quy chế quản lý tài sản công năm 2024; (2) Năm 2025: Biên bản ngày 06/01/2025 về việc niêm yết công khai tài chính năm 2025; Quyết định số 03/QĐ-THCS ĐK ngày 06/01/2025 về việc công bố công khai quy chế công khai tài chính năm 2025; Biên bản ngày 06/01/2025 về việc niêm yết công khai quy chế quản lý tài sản công năm 2025; Quyết định số 02/QĐ-THCSĐK ngày 06/01/2025 về việc công bố công khai Quy chế sử dụng tài sản công năm 2025; Quyết định số 03/QĐ-THCSĐK ngày 02/01/2025 về việc ban hành Quy chế sử dụng tài sản công năm 2025; Quyết định số 10/QĐ-Ntr ngày 07/01/2025 về việc công khai tài sản công năm 2025; Biên bản ngày 07/01/2025 về việc niêm yết công khai tài sản năm 2025; Biên bản ngày 06/01/2025 về việc niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Quyết định số 01/QĐ-THCSĐK ngày 06/01/2025 về việc công bố công khai quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

của pháp luật về kế toán.

+ Đơn vị mở các loại sổ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt...*) cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13; Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 được sửa đổi bổ sung Thông tư 46/2025/TT-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

+ Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra, xác minh thực tế xác nhận: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho giáo viên, nhân viên; các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn và chế độ chính sách cho học sinh kịp thời đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của đơn vị. (*Kết quả cụ thể tại phụ lục 04 kèm theo*).

*** Qua kiểm tra đơn vị vẫn còn một số nội dung tồn tại như sau:**

- GRDT số 153 ngày 27/12/2024 thanh toán tiền mua rèm cửa cơ quan, số tiền 19.560.800 đồng: Đơn vị căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, (*đã hết hiệu lực từ ngày 09/9/2024*) để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu là chưa phù hợp.

- Đơn vị căn cứ Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum để thanh toán tiền cho hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024, xét tuyển sinh năm học 2024-2025, (*Giấy rút dự toán số 95 ngày 17/09/2024*) mà không căn cứ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum là không phù hợp.¹⁶

- Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Việc chi hỗ trợ bán trú nhà trường chi tiền mặt trực tiếp cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh theo đúng quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

¹⁶ Đơn vị căn cứ Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) Các kỳ thi theo Nghị Quyết bao gồm **tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường các môn văn hóa; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.** Không có quy định về chi xét tuyển sinh đầu cấp, tốt nghiệp đối với cấp **Trung học cơ sở**

+ Giai đoạn 2024-2025, đơn vị đã thỏa thuận với hội phụ huynh học sinh có sự chứng kiến của chính quyền địa phương về tổ chức nấu ăn bán trú cho một số học sinh ở xa với chi phí bằng số tiền hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Tuy nhiên, việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ nấu ăn bán trú của đơn vị chỉ sử dụng bản kê mua hàng (*không có hóa đơn*) là chưa đảm bảo quy định pháp luật¹⁷. Theo ý kiến của đơn vị: do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm cho vùng sâu, vùng xa cho các đơn vị rất ít, chủ yếu là các tiểu thương nhỏ chở thực phẩm từ thành phố Kon Tum (cũ) lên bán trong ngày, số lượng người mua hàng cũng ít, chưa làm được giấy phép kinh doanh nên không làm và xuất được hóa đơn (*Rất khó khăn cho việc xuất hóa đơn cho trường*). Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường (*có hợp đồng, bảng kê mua thực phẩm hàng ngày, giấy giao nhận*). Đa số phụ huynh là người dân tộc thiểu số, chủ yếu làm rẫy ở xa nhà nên việc tổ chức bán trú là cần thiết và phù hợp với nguyện vọng của cha mẹ học sinh. Trong các năm không có khiếu nại, phản ánh của phụ huynh học sinh về chất lượng các bữa ăn (*theo như các biên bản cuộc họp hội phụ huynh học sinh đầu năm, cuối năm*).

- Việc quản lý sử dụng tài sản công:

Năm 2024, đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản theo mẫu S26-H của thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính nhằm ghi chép tình hình tăng, giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại các phòng, ban, bộ phận sử dụng, nhằm quản lý TSCĐ và công cụ, dụng cụ đã được cung cấp cho các bộ phận trong đơn vị và làm căn cứ để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ. Tuy nhiên, Sổ theo dõi năm 2024 số lượng tài sản tăng trong năm, đơn vị ghi tất cả số lượng tài sản của đơn vị đang quản lý (*cả những tài sản đã hình thành từ các năm trước*) là không phù hợp. Tại thời điểm kiểm tra nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

e) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đăk Kôi

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính, việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ¹⁸ theo quy định. Qua kiểm tra, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính¹⁹: Đơn vị đã ban hành các Văn bản: Kế hoạch số 15/KH-VPUBND ngày 15/7/2025; Quyết định số 12/QĐ-VP ngày

¹⁷ Chưa đảm bảo các quy định tại Điều 4 Nghị định 123/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

¹⁸ Quyết định số 02/QĐ-VP ngày 24/07/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Văn phòng HĐND&UBND xã Đăk Kôi.

¹⁹ Theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

10/7/2025 về việc thành lập tổ tự kiểm tra tài chính năm 2025; Biên bản tự kiểm tra ngày 30/12/2025 và Báo cáo ngày 31/12/2025 về việc kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2025.

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị ban hành các văn bản²⁰ công khai ngân sách theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong năm đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao theo quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, cụ thể: Trên cơ sở nguồn kinh phí được giao, đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo định mức quy định để tạo cơ sở pháp lý cho các nội dung chi trong đơn vị minh bạch và tiết kiệm. Chánh Văn phòng thực hiện chế độ tự chủ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán: Từ ngày 01/7/2025, UBND xã Đăk Kôi giao dự toán cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của Văn phòng HĐND và UBND có một số nội dung như sau:

+ Về chấp hành việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm: Đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, thời gian theo quy định của Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

+ Về sổ sách kế toán: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị có mở các loại sổ sách kế toán (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ chi tiết*) theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC Bộ Trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

+ Về chứng từ kế toán: Đơn vị đã lập chứng từ theo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tại thời điểm thanh tra, các chứng từ cung cấp cho Đoàn Thanh tra đảm bảo theo quy định về Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

+ Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng

²⁰ Quyết định số 28/QĐ-VP ngày 9/3/2026 về việc công bố công khai Quyết toán thu - chi NSNN năm 2025; Thông báo số 20/TB-VP ngày 9/3/2026 về việc niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN năm 2025; Biên bản ngày 9/3/2026 niêm yết công khai quyết toán thu - chi NSNN năm 2025.

nội dung và mục đích, cơ bản đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán tương đối rõ ràng về nội dung chi; các chứng từ được sắp xếp theo trình tự thời gian và đóng thành từng tập.

+ Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho cán bộ, công chức, các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn kịp thời đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của đơn vị. (*Kết quả kiểm tra cụ thể theo phụ lục 5 kèm theo*)

*** Qua kiểm tra đơn vị còn thiếu sót như:** Thanh toán chi phí sửa chữa hệ thống mạng phục vụ công tác chuyên môn (*theo Giấy rút dự toán số 73/260111 ngày 12/01/2026 với số tiền 41.156.000 đồng*): Hồ sơ đơn vị không lập giấy báo hỏng và đề xuất sửa chữa; đồng thời biên bản đánh giá hiện trạng mức độ hư hỏng có nội dung chung chung, thiếu số liệu chi tiết về thiết bị lỗi theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Qua đối chiếu khối lượng theo các hạng mục sửa chữa thực tế tại đơn vị (hệ thống dây mạng, máy phát wifi...) cơ bản phù hợp với khối lượng và số tiền đã thanh toán.

- Về quản lý, sử dụng tài sản công:

Đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định; quy chế quản lý tài sản²¹ và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, cuối năm đã thành lập hội đồng kiểm kê, đánh giá tài sản cố định theo sổ sách theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính. Tại thời điểm kiểm tra nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

f) Phòng Kinh tế xã

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (*tại Quyết định số 01/QĐ-PKT, ngày 24/7/2025*) theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính²²: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC²³.

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện công khai ngân sách theo

²¹ Quyết định số 03/QĐ-VP ngày 24/7/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Văn phòng HĐND và UBND xã Đắk Kôi

²² Theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

²³ Kế hoạch số 07/KH-KT ngày 4/7/2025 về việc tự kiểm tra tài chính năm 2025; Quyết định số 14/QĐ-KT ngày 14/7/2025 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính năm 2025; Biên bản ngày 30/12/2025.

Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC²⁴.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong năm đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao; công khai minh bạch các khoản thu, chi theo quy định. Công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán: Từ ngày 01/7/2025, UBND xã Đắk Kôi giao dự toán cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của phòng Kinh tế xã có một số nội dung như sau:

+ Về chấp hành quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm: đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định²⁵.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị đã lập chứng từ kế toán và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Tuy nhiên, một số giấy rút dự toán chưa phù hợp số thứ tự, như giấy rút dự toán số 28 ngày 01/12/2025 và giấy rút dự toán 28 ngày 27/11/2025 (*đơn vị ghi vào bảng kê là chứng từ 28a*)

+ Về sổ sách kế toán: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã mở các loại sổ sách kế toán theo quy định²⁶ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt....*).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí (*có phụ lục 6 kèm theo*): Nhìn chung, đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, cơ bản đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán tương đối rõ ràng về nội dung chi; các chứng từ được sắp xếp theo trình tự thời gian và đóng thành từng tập.

*** Qua kiểm tra đơn vị còn thiếu sót như:**

+ Giấy rút dự toán số 56 ngày 19/01/2026, nội dung chuyển thanh toán tiền thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đập thôn 1, số tiền 157.314.000 đồng: Đơn vị lập hồ sơ dự toán bê tông tường với chiều dài 120 m là chưa phù hợp khối lượng tường hồng theo dự toán là 104,5 m, chênh lệch 15,5 m (dài) * 0,5 (rộng) * 0,08 (chiều dày) * 2 * 2.817.011 đồng/m³ = 3.493.093 đồng; nguyên nhân: Do thiếu sót của bộ phận lập dự toán.

²⁴ Quyết định số 34/QĐ-KT ngày 13/3/2026 về việc công bố công khai thu - chi ngân sách năm 2025; Thông báo 22/TB-KT ngày 13/3/2026 về việc niêm yết công khai quyết toán thu - chi NSNN năm 2025; Biên bản ngày 13/3/2026.

²⁵ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: a) Không lập báo cáo tài chính theo quy định;

²⁶ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

+ Nội dung phát dọn tuyến kênh và khối lượng nạo vét đập đầu mối²⁷: Qua kiểm tra thực tế một số đập đầu mối và tuyến kênh mương, một số đoạn kênh mương nằm âm trong đất, âm dưới đường bê tông, không phát sinh công tác phát dọn, với tổng chiều dài ước khoảng 10% tổng chiều dài tuyến kênh; tuy nhiên, đơn vị vẫn lập hồ sơ dự toán, thanh toán là không phù hợp, số tiền $252,24 \text{ m}^2 * 10\% = 25,204 * 249.956 \text{ đồng}/100\text{m}^2 = 6.299.891 \text{ đồng}$. Nguyên nhân: khi lập dự toán, bộ phận tham mưu dựa trên hồ sơ thiết kế của các tuyến kênh, chỉ kiểm tra chọn mẫu một số tuyến để xác định khối lượng đào đắp và phát dọn bình quân, chưa kiểm tra thực tế hết các vị trí nên còn thiếu sót.

- Về quản lý, sử dụng tài sản công

Đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, cuối năm có kiểm kê, đánh giá tài sản cố định theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính. Tại thời điểm kiểm tra nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

g) Phòng Văn hóa - Xã hội

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (tại Quyết định số 03/QĐ-VHXXH, ngày 10/7/2025) theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính²⁸: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị ban hành các Văn bản: Kế hoạch số 10/KH-VHXXH ngày 03/7/2025; Quyết định số 09/QĐ-VHXXH ngày 11/7/2025 về việc thành lập tổ tự kiểm tra tài chính năm 2025; Biên bản tự kiểm tra ngày 30/12/2025 và Báo cáo ngày 31/12/2025 về việc kết quả tự kiểm tra tài chính năm 2025.

+ Công tác công khai tài chính: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị ban hành các văn bản²⁹ công khai ngân sách theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

²⁷ GRDT số 39 ngày 13/01/2026, chuyển thanh toán tiền nạo vét, phát dọn hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Đắk Kôi, số tiền 175.000.000 đồng.

²⁸ Theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

²⁹ Quyết định số 26/QĐ-VHXXH ngày 12/3/2026 về việc công bố công khai Quyết toán thu - chi NSNN năm 2025; Thông báo số 29/TB-VHXXH ngày 12/3/2026 về việc niêm yết công khai quyết toán thu - chi NSNN năm 2025; Biên bản ngày 12/3/2026 niêm yết công khai quyết toán thu - chi NSNN năm 2025; Quyết định số 32/QĐ-VHXXH ngày 08/10/2025 về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2025; Thông báo số 26/TB-VHXXH ngày 08/10/2025 về việc niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2025; Biên bản ngày 08/10/2025 niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2025 và Biên bản ngày 08/11/2025 kết thúc niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2025.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong năm đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao; công khai minh bạch các khoản thu, chi theo quy định. Công tác quản lý tài chính được thực hiện minh bạch, rõ ràng, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

Từ ngày 01/7/2025, UBND xã Đăk Kôi giao dự toán cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của phòng Văn hóa - Xã hội xã có một số nội dung như sau:

+ Về chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm³⁰: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo quy định.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Về sổ sách kế toán: Đơn vị đã mở đầy đủ các sổ sách theo quy định³¹ (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tiền mặt....*).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

Đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán cơ bản đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra, xác minh thực tế xác nhận: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho cán bộ, công chức, các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn kịp thời đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của đơn vị. (*Kết quả cụ thể tại phụ lục 7 kèm theo*).

Nhìn chung, việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị đúng theo các quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách và các hướng dẫn hiện hành.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công

Qua kiểm tra đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc quản lý sử dụng tài sản tại đơn vị đảm bảo định mức, tiêu chuẩn và phát huy hiệu quả.

h) Trung tâm hành chính công

³⁰ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp

³¹ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính; Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (*Quyết định số 02/QĐ-TTPVHCC ngày 04/8/2025*) theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC³².

+ Công tác công khai tài chính: Đơn vị thực hiện công khai ngân sách theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 90/2018/TT-BTC³³.

+ Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Trong năm đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao; cuối kỳ báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập³⁴.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

Từ ngày 01/7/2025, UBND xã Đăk Kôi giao dự toán cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của Trung tâm hành chính công xã có một số nội dung như sau:

+ Về chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm: Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo quy định theo Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 24/2024/TT-BTC.

+ Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimosa. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Về sổ sách kế toán: Đơn vị mở đầy đủ các sổ sách theo quy định của Luật

³² Kế hoạch số 19/KH-TTPVHCC ngày 20/12/2025 về kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính năm 2025; Quyết định số 23/QĐ-TTPVHCC ngày 25/12/2025 về thành lập tổ tự kiểm tra công tác tài chính năm 2025 tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã; Báo cáo ngày 31/12/2025 về kết quả tự kiểm tra công tác tài chính năm 2025.

³³ Quyết định số 02/QĐ-TTPVHCC ngày 28/7/2025 về việc công khai Quyết định giao dự toán NSNN năm 2025; Thông báo số 03/TB-TTPVHCC ngày 29/7/2025 về việc niêm yết công khai Quyết định giao dự toán năm 2025; Biên bản số 03/BB-TTPVHCC ngày 28/7/2025 về việc niêm yết công khai Quyết định giao dự toán năm 2025; Biên bản số 04/BB-TTPVHCC ngày 28/8/2025 về việc kết thúc việc niêm yết công khai Quyết định giao dự toán NSNN năm 2025; Quyết định số 10/QĐ-TTPVHCC ngày 11/02/2026 về việc công bố công khai quyết toán NSNN năm 2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đăk Kôi; Thông báo số 08/TB-TTPVHCC ngày 11/02/2026 về việc niêm yết công khai quyết toán NSNN năm 2025; Biên bản số 02/BB-TTPVHCC ngày 11/02/2026 về việc niêm yết công khai quyết toán NSNN năm 2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đăk Kôi; Biên bản số 03/BB-TTPVHCC ngày 11/03/2026 về việc kết thúc việc niêm yết công khai quyết toán NSNN năm 2025.

³⁴ Báo cáo số 09/BC-TTHCC ngày 05/02/2026 về tình hình thực hiện tự chủ năm 2025 đối với đơn vị hành chính.

Kế toán và Điều 6 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 được sửa đổi bổ sung Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/06/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. (*sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ theo dõi tài sản, sổ theo dõi tiền mặt...*).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

Đơn vị quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng nội dung và mục đích, đảm bảo theo quy định. Các nội dung thu - chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán cơ bản đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Qua kiểm tra, xác minh thực tế xác nhận: Việc thực hiện nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, các chế độ khác có liên quan cho cán bộ, công chức, các nội dung chi phục vụ công tác chuyên môn kịp thời đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của đơn vị (*Kết quả cụ thể tại phụ lục 8 kèm theo*).

Nhìn chung, việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị đúng theo các quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách và các hướng dẫn hiện hành.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công

Qua kiểm tra đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản và triển khai thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc quản lý sử dụng tài sản tại đơn vị đảm bảo định mức, tiêu chuẩn và phát huy hiệu quả.

i) UBND xã Đăk Kôi (cũ)

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính, việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại đơn vị

+ Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Trong giai đoạn 2024 đến tháng 6/2025, đơn vị đã triển khai thực hiện xây dựng, ban hành và công khai Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động trong năm theo quy định. Nhìn chung, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được ban hành theo đúng thủ tục, thẩm quyền; các nội dung được quy định của Quy chế về cơ bản đã tạo được sự chủ động cho đơn vị trong việc quản lý và chi tiêu tài chính theo quy định, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

+ Công tác tự kiểm tra tài chính: Đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

+ Công tác công khai tài chính: Năm 2024, đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Đơn vị công khai đúng quy định,

công khai dự toán thu chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện và quyết toán thực hiện bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai theo thời gian quy định.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, đơn vị chưa triển khai thực hiện công tác công khai và tự kiểm tra tài chính. Nguyên nhân: Từ ngày 14/02/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận 126-KL/TW về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; ngày 28/02/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có Kết luận 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Ngày 19/02/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XV, Kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, trong giai đoạn này Ủy ban nhân dân xã tập trung rà soát, triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh về xây dựng Đề án tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính (cấp tỉnh, huyện, xã) tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Do đó, đơn vị chưa triển khai thực hiện công tác công khai và tự kiểm tra tài chính trong giai đoạn này.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

Giai đoạn từ năm 2024-30/6/2025, đơn vị được UBND huyện Kon Rẫy (cũ) giao dự toán (*thu-chi*) cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên và thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của đơn vị nhận thấy:

+ Về chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm: Đơn vị đã lập báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Giai đoạn 2024-30/6/2025, đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Tuy nhiên, chứng từ kế toán của đơn vị chưa được sắp xếp, lưu trữ khoa học dẫn đến việc cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Đoàn Thanh tra chưa kịp thời, phải bổ sung nhiều lần.

+ Về sổ sách kế toán: Giai đoạn 2024-6/2025, đơn vị có mở các sổ sách trên máy tính theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 7 của Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

+ Tổng hợp các nguồn kinh phí được cấp 2024-2025 (*có phụ lục 09 kèm theo*)

+ Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: Việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí đúng theo quy định hiện hành, tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số nội dung tồn tại như sau:

Việc lưu trữ hồ sơ của đơn vị chưa khoa học, dẫn đến nhiều chứng từ cung cấp cho Đoàn Thanh tra còn thiếu sót; nguyên nhân: Bộ phận Kế toán trước đây

đã nghỉ chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP, việc bàn giao hồ sơ kế toán còn chưa kịp thời dẫn đến công tác lưu trữ thiếu sót.

Đơn vị đã lập đầy đủ thành phần hồ sơ, chứng từ; nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, số liệu, căn cứ chi và chữ ký của người có thẩm quyền cơ bản bảo đảm theo quy định về chứng từ kế toán tại Điều 16, Điều 19 Luật Kế toán số 88/2015/QH13. Tuy nhiên, một số hồ sơ/chứng từ³⁵ chưa được đóng dấu là chưa đúng theo hướng dẫn của Thông tư. Nguyên nhân: Do thiếu sót của bộ phận Kế toán.

- Về quản lý, sử dụng tài sản:

- + Việc mua sắm: Qua kiểm tra hồ sơ tài liệu do đơn vị cung cấp giai 2024-6/2025 đơn vị không có mua sắm tài sản.

- + Việc quản lý, sử dụng tài sản: Giai đoạn 2024-6/2025, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản đúng định mức, tiêu chuẩn theo quy định của Luật quản lý tài sản công 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đến thời điểm sắp nhập năm 2025, đơn vị đã bàn giao tài sản theo quy định.

k) UBND xã Đắk Tơ Lung (cũ)

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; công tác tự kiểm tra tài chính; công tác công khai tài chính, việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại đơn vị

- + Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Trong giai đoạn 2024-6/2025, đơn vị đã triển khai thực hiện xây dựng, ban hành và công khai Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động trong năm theo quy định³⁶. Nhìn chung, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được ban hành theo đúng thủ tục, thẩm quyền; các nội dung được quy định của Quy chế về cơ bản đã tạo được sự chủ động cho đơn vị trong việc quản lý và chi tiêu tài chính theo quy định, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

- + Công tác tự kiểm tra tài chính: Năm 2024, đơn vị thực hiện công tác tự kiểm tra theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- + Công tác công khai tài chính: Năm 2024, đơn vị thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách³⁷. Đơn vị công khai đúng quy

35 GRDT số 13, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 34, 35 ngày 25/4/2024 (tạm ứng tiền ngày công cho chiến sỹ tham gia trực SSCĐ bảo vệ nhân dịp lễ 30/4, 1/5), 35 ngày 02/02/2024 (thanh toán tiền mua VPP và nước uống của UBND xã),

36 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

37 Gồm: Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/4/2024; Biên bản niêm yết công khai ngày 10/4/2024, ngày 11/5/2024; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 09/7/2024; Thông báo

định, công khai dự toán thu chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện và quyết toán thực hiện bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai theo thời gian quy định.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, đơn vị chưa triển khai thực hiện công tác công khai và tự kiểm tra tài chính; nguyên nhân: từ ngày 14/02/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận 126-KL/TW về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; ngày 28/02/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có Kết luận 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; ngày 19/02/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XV, Kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, trong giai đoạn này Ủy ban nhân dân xã tập trung rà soát, triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh về xây dựng Đề án tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính (cấp tỉnh, huyện, xã) tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Do đó, đơn vị chưa triển khai thực hiện công tác công khai và tự kiểm tra tài chính trong giai đoạn này.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế độ kế toán

Giai đoạn từ năm 2024-30/6/2025, đơn vị được UBND huyện Kon Rẫy (cũ) giao dự toán (*thu-chi*) cho đơn vị, trong đó chi tiết số liệu theo từng nguồn thường xuyên, không thường xuyên và thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia, nhằm đảm bảo chi hoạt động tại đơn vị. Qua kiểm tra hồ sơ của đơn vị nhận thấy:

+ Về chấp hành đúng quy định việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm³⁸: Năm 2024 đơn vị đã lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Giai đoạn 2024-30/6/2025, đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán Misa Mimoso. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế đơn vị lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định của pháp luật về kế toán.

+ Về sổ sách kế toán: Giai đoạn 2024-6/2025, đơn vị có mở các sổ sách trên máy tính theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 7 của Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cuối năm đơn vị đã in ra và ký theo quy định của Luật Kế toán 2015.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí

+ Các nguồn kinh phí được cấp 2024-2025 (*có phụ lục 10 kèm theo*)

số 32/TB-UBND ngày 09/7/2024; Biên bản niêm yết công khai ngày 09/7/2024, ngày 10/8/2024; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/10/2024; Thông báo số 42/TB-UBND ngày 09/10/2024; Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/02/2025; Thông báo số 27/TB-UBND ngày 10/02/2025;...

³⁸ Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã

+ Việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị đúng quy định, đảm bảo chế độ, định mức và dự toán được giao.

- Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản:

Giai đoạn 2024-6/2025, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản công, mở sổ theo dõi tài sản quy định của Luật quản lý tài sản công 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Nhìn chung, việc quản lý và sử dụng tài sản của đơn vị cơ bản đảm bảo theo đúng định mức, tiêu chuẩn (*tại thời điểm thanh tra, tài sản đơn vị đã được bàn giao về UBND xã Đăk Kôi theo quy định, do đó Đoàn Thanh tra không kiểm tra tính hiệu quả trong việc sử dụng tài sản*)

2. Việc sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công

a) Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công (*có phụ lục 11, danh mục tài sản công kèm theo*)

- Tại thời điểm sáp nhập, thành lập xã Đăk Kôi, tài sản UBND xã mới được kế thừa quyền quản lý, sử dụng gồm tài sản của UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ) và UBND xã Đăk Kôi (cũ), cụ thể như sau:

+ Trụ sở làm việc: 02 cơ sở nhà đất;

+ Xe ô tô: Không;

+ Máy móc, thiết bị: 215 tài sản, nguyên giá: 785 triệu đồng; giá trị còn lại: 33 triệu đồng.

- Hiện nay UBND xã Đăk Kôi đang quản lý, sử dụng:

+ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: 36 cơ sở nhà đất (*cơ quan nhà nước: 02; đơn vị sự nghiệp: 34*);

+ Xe ô tô: 01;

+ Máy móc, thiết bị: 622 tài sản, nguyên giá: 7.026 triệu đồng, giá trị còn lại: 3.763 triệu đồng.

Nguyên nhân tăng tài sản công: Do đầu tư xây dựng, mua sắm mới; tiếp nhận bàn giao từ đơn vị khác sau sáp nhập (*các đơn các trường học...*).

b) Về sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công sau sáp nhập

- Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (*được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 26/12/2025*): Giữ lại tiếp tục sử dụng: 31; dôi dư, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 05.

Ngày 31/12/2025, UBND xã ban hành Quyết định số 416/QĐ-UBND để giao 05 cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư cho các cơ quan, đơn vị (*phòng Kinh tế và Văn phòng HĐND&UBND*) để quản lý, sử dụng và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý (*nếu có*) theo quy định. Hiện nay, các đơn vị đang lập thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định đối với 05 cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư nêu trên.

Ngày 31/12/2025, UBND xã ban hành Quyết định số 417/QĐ-UBND để giao tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với 31 cơ sở nhà đất cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã để quản lý, sử dụng theo quy định.

- Đối với tài sản là xe ô tô: Ngày 03/11/2025, UBND xã ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND để phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đối với 01 xe ô tô.

- Đối với tài sản là máy móc, thiết bị: Ngày 09/01/2026, UBND xã ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND để giao tài sản công khác (*ngoài nhà, đất, xe ô tô và tài sản kết cấu hạ tầng*) cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xã Đăk Kôi (*đợt 1*) để quản lý, sử dụng và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý (*nếu có*) theo quy định.

Ngày 20/01/2026, UBND xã ban hành Công văn số 84/UBND-TH về việc giao tài sản công khác (*ngoài nhà, đất, xe ô tô và tài sản kết cấu hạ tầng*). Theo đó chuyển Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh để các cơ quan, đơn vị bố trí, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức quy định.

Nhìn chung, đơn vị thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cơ bản đảm bảo theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, cụ thể:

- Đơn vị đã tổ chức tiếp nhận, sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công từ thời điểm sáp nhập (*ngày 01/7/2025*) cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính. Tài sản công được sử dụng hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

- Công tác kiểm kê, theo dõi, báo cáo tài sản công hằng năm: Tài sản công được theo dõi, quản lý đầy đủ trên sổ sách kế toán và phần mềm quản lý tài sản; việc ghi chép, cập nhật biến động tăng, giảm tài sản được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Công tác kiểm kê tài sản được tiến hành định kỳ và khi có yêu cầu, đảm bảo xác định đúng số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản đang quản lý, sử dụng.

- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị.

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Giai đoạn 2024-2025, trên địa bàn xã có 38 dự án, công trình, đầu tư xây dựng cơ bản do đơn vị thực hiện và nhận bàn giao lại (*chi tiết tại phụ lục 12 kèm theo*)

Qua kiểm tra, nhìn chung việc triển khai thực hiện các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã đảm bảo theo các quy định của Luật Đầu tư công, các quy định về Chương trình mục tiêu quốc gia. Tại thời điểm thanh tra các công trình đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đảm bảo tính hiệu quả, cụ thể: Các dự án công trình đều thực hiện theo đúng chủ trương đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, việc lập, thẩm định dự án tuân thủ theo quy định Điều 4, Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Thiết kế, dự toán của các dự án đều phù hợp với quy chuẩn và tiêu chuẩn và đã được phòng

Tài chính Kế hoạch huyện Kon Rẫy (cũ) thẩm định theo quy định. Điều kiện khởi công công trình tuân thủ theo Điều 107 Luật Xây dựng 2014. Công tác lập hồ sơ mời thầu và tiên lượng mời thầu, việc thực hiện công tác đấu thầu, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu các đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, cụ thể:

- Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án về công tác khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công, quản lý dự án... đều đảm bảo đủ điều kiện như về chức năng, năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; việc áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Các công trình do các đơn vị thực hiện trong giai đoạn 2024-2025 không phát sinh chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Việc giám sát thi công và chất lượng công trình xây dựng được đảm bảo như: việc ghi nhật ký công trình được thực hiện định kỳ hàng ngày từ ngày nhận bàn giao mặt bằng đến khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Các nguyên vật liệu đều được kiểm tra ký biên bản nghiệm thu nguyên vật liệu trước khi tiến hành đưa vào thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng thực hiện đầy đủ theo từng giai đoạn và nghiệm thu tổng thể bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Việc hợp đồng xây lắp; tiến độ thi công; công tác bảo hành, bảo trì công trình, công tác lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành đảm bảo theo quy định.

- Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng trên địa bàn; việc tập trung nguồn lực để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; việc quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công: Tại thời điểm thanh tra các công trình trên không có nợ đọng.

- Kiểm tra công tác lập hồ sơ hoàn công và công tác lưu trữ: Hồ sơ hoàn công đơn vị được lập kịp thời, đúng quy định, lưu trữ khoa học (*theo từng công trình*).

Tuy nhiên, bên cạnh đó có hồ sơ dự toán còn cộng sai số học (*Phòng học bộ môn trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi*), một số khối lượng ván khuôn tính thừa so với hồ sơ dự toán, thanh toán (*Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đăk Tơ Lung*), thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng phần nhân công chưa phù hợp (*Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đăk Tơ Lung, Đường ra Khu sản xuất nước muối nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung, Đường ra Khu sản xuất nước muối xã Đăk Tơ Lung...*); khối lượng thi công đệm móng cát chưa đủ theo hồ sơ thanh toán (*Công trình Đường đi Khu sản xuất Nước Sa xã Đăk Tơ Lung*); thi công khe co không cốt thép đơn vị lập dự toán phân tích vật tư không trừ máy thi công (*Công trình Đường đi khu sản xuất Kon Vi Vàng, xã Đăk Tơ*

Lung); thi công thiếu giấy dầu cách ly (*Đường ra Khu sản xuất nước muối nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung; Đường ra Khu sản xuất nước muối xã Đăk Tơ Lung; Sửa chữa Đường nội thôn Kon Long xã Đăk Tơ Lung (thôn 2)...*); một số công tác theo hồ sơ dự toán không thực hiện như vận chuyển đá (*Đường đi Khu sản xuất thôn Tu Rối, xã Đăk Kôi (cũ)*); thiếu lớp bạt lót lề đường (*Đường đi khu sản xuất thôn 2 đoạn từ cầu treo thôn 2 đến nước Long*)... dẫn đến số tiền thanh toán vượt cho đơn vị thi công, đơn vị cung cấp vật liệu là 158.753.000 đồng.

- Nguyên nhân chênh lệch: *Chi tiết tại phụ lục 13 kèm theo.*

4. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi

a) Việc thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân

- Về địa điểm tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân

UBND xã Đăk Kôi đã thực hiện nghiêm túc việc bố trí địa điểm tiếp công dân tại Trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công xã (*Thôn Kon Mong Tu, xã Đăk Kôi, tỉnh Quảng Ngãi*). Địa điểm được đánh giá là khang trang, thuận tiện, đảm bảo đầy đủ phương tiện và điều kiện làm việc cần thiết theo quy định. Tại địa điểm tiếp công dân thực hiện niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Điều 19 của Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13.

Thực hiện Điều 15 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13, Chủ tịch UBND xã là người trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân; phân công 01 công chức tiếp công dân thường xuyên³⁹.

- Công tác tiếp công dân

+ Công tác tiếp công dân được thực hiện nền nếp và đúng quy định pháp luật. UBND xã đã ban hành đầy đủ các văn bản quản lý như: Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở UBND xã Đăk Kôi⁴⁰, kế hoạch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã Đăk Kôi⁴¹, thông báo lịch trực tiếp công dân định kỳ hằng năm⁴². Đồng thời, hằng tháng ban hành thông báo tiếp công dân gửi đến các cơ quan, ban, ngành có liên quan và thông báo trên Trang Thông tin điện tử xã để phổ biến đến nhân dân trên địa bàn xã biết, theo dõi. Chủ tịch UBND xã đảm bảo việc tiếp công dân định kỳ 01 ngày trong tuần và tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 18 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13.

+ Công chức phụ trách thực hiện mở Sổ tiếp công dân đảm bảo theo quy định. Ghi nhận từ ngày 01/7/2025 đến ngày 03/3/2026, trên địa bàn không phát sinh lượt công dân nào đến khiếu nại, tố cáo hay kiến nghị, phản ánh trực tiếp tại địa điểm tiếp công dân.

- Công tác tiếp nhận và xử lý đơn

³⁹ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND xã Đăk Kôi phân công ông Đặng Thanh Bình, công chức Văn phòng HĐND & UBND xã thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

⁴⁰ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND xã Đăk Kôi.

⁴¹ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 08/7/2025; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07/01/2026.

⁴² Thông báo số 06/TB-UBND ngày 13/01/2026.

+ Qua kiểm tra hệ thống sổ sách và báo cáo của đơn vị, trong kỳ kiểm tra (từ ngày 01/7/2025 đến ngày 03/3/2026), UBND xã Đăk Kôi chưa phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị hay phản ánh nào từ phía công dân.

b) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Do không phát sinh đơn thư trong kỳ, UBND xã không có vụ việc phải thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, đơn vị đã chuẩn bị đầy đủ về quy trình và nhân sự để xử lý kịp thời khi có phát sinh.

- Việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình tiếp công dân; xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

UBND xã Đăk Kôi thực hiện báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chính xác. Nội dung báo cáo bám sát mẫu biểu và yêu cầu của Thông tư số 06/2025/TT-TTCT ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ, phản ánh trung thực tình hình thực tế tại địa phương.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

UBND xã đã chủ động triển khai công tác tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo thông qua các kế hoạch hằng năm. Hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp với đặc thù địa phương như: qua hệ thống loa truyền thanh, Trang thông tin điện tử, tủ sách pháp luật và lồng ghép vào hoạt động hòa giải ở cơ sở. Việc này đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của cán bộ và Nhân dân, hạn chế phát sinh khiếu kiện vượt cấp, không đúng quy định.

- Việc triển khai sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo: Mặc dù đã chuẩn bị các điều kiện để vận hành, tuy nhiên do trong kỳ không phát sinh vụ việc và đơn thư thực tế, UBND xã chưa có thông tin để cập nhật dữ liệu lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

UBND xã Đăk Kôi (bao gồm UBND xã Đăk Tơ Lung và UBND xã Đăk Kôi cũ) và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao hằng năm theo đúng quy định hiện hành; việc điều hành sử dụng các nguồn kinh phí được phân cấp cơ bản theo dự toán được giao; các nguồn kinh phí năm trước chuyển sang sử dụng đúng các nhiệm vụ chi; thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, chế độ và định mức hiện hành. Hằng năm đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở quản lý các nguồn thu, chi đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

b) Việc thực hiện chính sách, pháp luật về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số

151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị đúng mục đích, định mức và hiệu quả.

- Việc mua sắm tài sản tại đơn vị được thực hiện cơ bản theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Đơn vị đã tổ chức tiếp nhận, sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công từ thời điểm sáp nhập (ngày 01/7/2025) cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính. Tài sản công được sử dụng hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

Công tác kiểm kê, theo dõi, báo cáo tài sản công hằng năm: Tài sản công được theo dõi, quản lý đầy đủ trên sổ sách kế toán và phần mềm quản lý tài sản; việc ghi chép, cập nhật biến động tăng, giảm tài sản được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Công tác kiểm kê tài sản được tiến hành định kỳ và khi có yêu cầu, đảm bảo xác định đúng số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản đang quản lý, sử dụng.

c) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

UBND xã đã bố trí địa điểm tiếp công dân tại Trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công xã. Tại địa điểm tiếp công dân thực hiện niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Điều 19 của Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13. UBND xã đã ban hành đầy đủ các nội quy, quy chế, kế hoạch và thông báo tiếp công dân định kỳ và thường xuyên.

Công tác tiếp nhận và xử lý đơn: Qua kiểm tra hệ thống sổ sách và báo cáo của đơn vị, trong kỳ kiểm tra (từ ngày 01/7/2025 đến ngày 03/3/2026), UBND xã Đắk Kôi chưa phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị hay phản ánh nào từ phía công dân. Định kỳ đơn vị báo cáo kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư số 06/2025/TT-TTCT ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ, phản ánh trung thực tình hình thực tế tại địa phương.

d) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Việc triển khai thực hiện các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã đảm bảo theo các quy định của Luật Đầu tư công, các quy định về Chương trình mục tiêu quốc gia. Tại thời điểm thanh tra các công trình đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đảm bảo tính hiệu quả.

2. Khuyết điểm

a) Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đắk Kôi và các đơn vị trực thuộc

- Tại Trường Mầm non Đắk Kôi

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động trong nước (*thuê nhân viên cấp dưỡng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP*): Nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và liên tiếp ký lại nhiều lần với cùng một người lao động⁴³ (*cùng một nội dung công việc*) là không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; nguyên nhân: Đơn vị thực hiện hợp đồng theo định mức cấp dưỡng được ngân sách cấp cho nhà trường theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

+ Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ⁴⁴ và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ⁴⁵: Giai đoạn năm 2024 đến tháng 9/2025 việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ ăn bán trú không có hóa đơn của đơn vị cung ứng thực phẩm, chất đốt, dụng cụ là chưa đảm bảo quy định pháp luật⁴⁶. Nguyên nhân: do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm cho vùng sâu, vùng xa cho các đơn vị rất ít, chưa mở được giấy phép kinh doanh (*Rất khó khăn cho việc xuất hóa đơn cho trường*). Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường (*có hợp đồng, bảng kê mua thực phẩm hàng ngày, giấy giao nhận*). Việc tổ chức bán trú cho các cháu đã phần nào giải quyết khó khăn cho phụ huynh trong việc đón trẻ và được 100% phụ huynh học sinh thống nhất (*tại biên bản họp đại diện cha mẹ học sinh đầu năm*).

Trách nhiệm trên thuộc về Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường

- Trường Mầm Non Đắk Tơ Lung

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động (*hợp đồng thỏa thuận*) trong nước (*thuê nhân viên bảo vệ đối với Bà Y Chuyên*) là 2.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính Phủ và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; đồng thời, nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và liên tiếp ký lại nhiều lần đối với bà Y Chuyên, Y Chinh, Y Chúc (*cùng một nội dung công việc*) là không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15. Nguyên nhân: đơn vị thực hiện hợp đồng

⁴³ Bà Y Phùn và Y Phời

⁴⁴ về việc quy định chính sách phát triển mầm non

⁴⁵ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách

⁴⁶ Chưa đảm bảo các quy định tại Điều 4 Nghị định 123/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

với Y Chinh, Y Chúc theo định mức cấp dưỡng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; đối với việc ký hợp đồng với bà Y Chuyên chủ yếu là các hợp đồng giao khoán việc, làm bán thời gian, bên cạnh đó do nguồn ngân sách còn hạn chế nên nhà trường đã hợp đồng thời vụ với người lao động.

- Hồ sơ thanh toán công tác phí thiếu Giấy đề nghị thanh toán⁴⁷ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ⁴⁸ và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ⁴⁹: Giai đoạn năm 2024 đến tháng 9/2025 việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ ăn bán trú không có hóa đơn của đơn vị cung ứng thực phẩm, chất đốt, dụng cụ là chưa đảm bảo quy định pháp luật⁵⁰. Nguyên nhân: do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm cho các đơn vị vùng sâu, vùng xa rất ít, chưa mở được giấy phép kinh doanh (*Rất khó khăn cho việc xuất hóa đơn cho trường*). Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường (*có hợp đồng, bảng kê mua thực phẩm hàng ngày, giấy giao nhận*). Việc tổ chức bán trú cho các cháu đã phần nào giải quyết khó khăn cho phụ huynh trong việc đón trẻ và được 100% phụ huynh học sinh thống nhất (*tại biên bản họp đại diện cha mẹ học sinh đầu năm*).

Trách nhiệm trên thuộc về Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường

- Trường PTDTBT THCS Đắk Tơ Lung

+ Năm học 2024-2025, đơn vị đã thanh toán chế độ giáo viên dạy thể dục theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho ông Nguyễn Đình Cảnh theo mức lương cơ sở cũ với số tiền: 9.236.800 đồng⁵¹ là chưa đảm bảo; nguyên nhân: Đơn vị không được bố trí kinh phí riêng cho giáo viên thể dục mà tự cân đối trong chi thường xuyên nên kinh phí chi cho giáo viên thể dục còn hạn hẹp, do đó nhà trường đã thanh toán theo mức lương cơ sở cũ; trước khi thanh toán, nhà trường đã làm việc trực tiếp với cá nhân ông Nguyễn Đình Cảnh và được ông Cảnh thống nhất, chia sẻ với khó khăn của nhà trường. Đoàn thanh tra đã làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Đình Cảnh và ông Cảnh thống nhất với nội dung mà nhà trường đã thực hiện chi.

+ Năm 2024-2025 đơn vị chi thuê lao động (*hợp đồng thỏa thuận*) trong nước (*thuê nhân viên bảo vệ*) với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp

⁴⁷ Giấy rút dự toán số số 113 ngày 18/12/2025, thanh toán tiền công tác phí tháng 12/2025, số tiền 900.000 đồng; GRDT số 103 ngày 18/12/2025, thanh toán tiền công tác phí, số tiền 3.900.000 đồng.

⁴⁸ Về việc quy định chính sách phát triển mầm non.

⁴⁹ Về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

⁵⁰ Chưa đảm bảo các quy định tại Điều 4 Nghị định 123/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

⁵¹ Học kỳ I (từ tháng 9-12/2024): 288 tiết x 18.000 đồng/tiết = 5.184.000 đồng (GRDT 85 ngày 10/10/2024);

Học kỳ II (từ tháng 1-5/2025): 272 tiết x 14.900 đồng/tiết = 4.052.800 đồng (GRDT 48 ngày 13/6/2025).

theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; nguyên nhân: Nhân viên bảo vệ chỉ làm việc bán thời gian đối với một số công việc nhất định

+ Một số hồ sơ mua sắm hàng hoá, sửa chữa thiếu kế hoạch, phiếu xuất, nhập kho, biên bản kiểm tra đánh giá hiện trạng⁵² theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Năm 2025, đơn vị chỉ thuê nhân viên nấu ăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: Theo hồ sơ hợp đồng với bà Nguyễn Thị Toàn và Y Lan, nhà trường ký hợp đồng lao động thời hạn 01 tháng và ký lại hằng tháng (*cùng một nội dung công việc*) là không đúng loại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc và các chế độ khác theo Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15. Nguyên nhân: Đơn vị thực hiện hợp đồng theo đúng định mức quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Trách nhiệm trên thuộc về Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường

- Trường PTDTBT THCS Đắk Kôi

+ Một số nội dung theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chưa phù hợp như quy định thanh toán tiền cho hoạt động xét công nhận tốt nghiệp, in sao đề, ra đề kiểm tra....; nguyên nhân: Do thiếu sót của bộ phận Kế toán, Hiệu trưởng Nhà trường chưa kịp thời phát hiện và chỉ đạo điều chỉnh.

+ Tại giấy rút dự toán số 153 ngày 27/12/2024 thanh toán tiền mua rèm cửa cơ quan, số tiền 19.560.800 đồng: Đơn vị căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (*đã hết hiệu lực từ ngày 09/9/2024 và được thay thế bằng Nghị định 24/2024/NĐ-CP*) để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu là không phù hợp, ngoài ra đối với gói thầu dưới 50 triệu đồng thì thủ trưởng đơn vị tự quyết định mua sắm (không bắt buộc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu)⁵³. Nguyên nhân: Do thiếu sót của bộ phận Kế toán chưa cập nhật văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực, Hiệu trưởng nhà trường chưa kịp thời phát hiện để chỉ đạo điều chỉnh.

+ Đơn vị căn cứ Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum để thanh toán tiền cho hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024, xét tuyển sinh năm học 2024-2025, (*Giấy rút dự*

⁵² Giấy rút dự toán số 05 ngày 23/01/2025, chuyển mua hàng hóa khác, số tiền 4.630.000 đồng; GRDT số 77 ngày 24/11/2025, chuyển tiền mua vật tư, hàng hóa phục vụ văn nghệ chào mừng ngày 20/11, số tiền 3.484.000; GRDT số 99 ngày 07/01/2026, chuyển thanh toán tiền sửa chữa thiết bị văn phòng, số tiền 11.418.000 đồng; GRDT số 98 ngày 07/01/2026, chuyển trả tiền mua hàng hóa, vật tư phục vụ cho chuyên môn (in phong, bạt, maket), số tiền 5.800.000 đồng.

⁵³ khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023

toán số 95 ngày 17/09/2024) mà không căn cứ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum không phù hợp.⁵⁴

+ Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Việc mua thực phẩm, chất đốt và vật dụng phục vụ nấu ăn bán trú của đơn vị chỉ sử dụng bản kê mua hàng (*không có hóa đơn*) là chưa đảm bảo quy định pháp luật. Nguyên nhân khách quan: do đặc thù nằm ở vùng sâu, vùng xa, việc mua hàng hóa và thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn, số người cung cấp thực phẩm cho vùng sâu, vùng xa cho các đơn vị rất ít, chủ yếu là các tiểu thương nhỏ chở thực phẩm từ thành phố Kon Tum (cũ) lên bán trong ngày, số lượng người mua hàng cũng ít, chưa làm được giấy phép kinh doanh nên không làm và xuất được hóa đơn đầu vào và đầu ra. Bên bán đã ký hợp đồng cam kết và đảm bảo an toàn thực phẩm khi cung cấp cho nhà trường. Đa số phụ huynh là người dân tộc thiểu số, chủ yếu làm rẫy ở xa nhà nên việc tổ chức bán trú là cần thiết và phù hợp với nguyện vọng của cha mẹ học sinh. Trong các năm không có khiếu nại, phản ánh của phụ huynh học sinh về chất lượng các bữa ăn (*theo như các biên bản cuộc họp hội phụ huynh học sinh đầu năm, cuối năm*).

+ Sở theo dõi tài sản năm 2024, Đơn vị xác định số lượng tài sản tăng trong năm là tất cả số lượng tài sản của đơn vị đang quản lý; nguyên nhân: Kế toán chưa nắm các nội dung trong biểu chỉ là tài sản tăng, giảm trong năm.

Trách nhiệm trên thuộc về Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường

- Văn phòng HĐND và UBND xã Đăk Kôi:

Chúng tôi thanh toán chi phí sửa chữa hệ thống mạng phục vụ công tác chuyên môn, đơn vị không lập giấy báo hỏng và đề xuất sửa chữa; đồng thời, biên bản đánh giá hiện trạng mức độ hư hỏng có nội dung chung chung, thiếu số liệu chi tiết về thiết bị lỗi là chưa đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Nguyên nhân: Kế toán thiếu sót trong việc kiểm soát chứng từ chi, Chánh Văn phòng chưa kịp thời phát hiện để chỉ đạo.

Trách nhiệm trên thuộc về Chánh Văn phòng và Kế toán

- Phòng Kinh tế xã:

+ Giấy rút dự toán số 56 ngày 19/01/2026, chuyển thanh toán tiền thi công xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đập thôn 1, số tiền 157.314.000 đồng: Hồ sơ không có biên bản đánh giá hiện trạng xác định nội dung, khối lượng cần sửa chữa, nội dung trong biên bản thương thảo hợp đồng không phù hợp với nội dung thanh toán. Ngoài ra đơn vị lập hồ sơ dự toán bê tông tường với chiều dài 120 m là chưa phù hợp khối lượng tường hỏng theo dự toán là 104,5 m, chênh lệch số tiền: 3.493.093 đồng.

⁵⁴ Đơn vị căn cứ Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) Các kỳ thi theo Nghị Quyết bao gồm tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện và cấp trường các môn văn hóa; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia. Không có quy định về chi xét tuyển sinh đầu cấp, tốt nghiệp đối với cấp Trung học cơ sở

+ Nội dung phát dọn tuyến kênh và khối lượng nạo vét đập đầu mối⁵⁵: Qua kiểm tra thực tế một số đập đầu mối và tuyến kênh mương, một số đoạn kênh mương nằm âm trong đất, âm dưới đường bê tông, không phát sinh công tác phát dọn, với tổng chiều dài ước khoảng 10% tổng chiều dài tuyến kênh, tuy nhiên đơn vị vẫn lập hồ sơ dự toán, thanh toán là không phù hợp, số tiền chênh lệch: 6.299.891 đồng.

Nguyên nhân: khi lập dự toán, bộ phận tham mưu dựa trên hồ sơ thiết kế của các tuyến kênh, chỉ kiểm tra chọn chọn mẫu một số tuyến để xác định khối lượng đào đắp và phát dọn bình quân, chưa kiểm tra thực tế hết các vị trí nên còn thiếu sót.

Trách nhiệm trên thuộc về Trưởng phòng và bộ phận phụ trách tham mưu.

- UBND xã Đăk Kôi (cũ):

+ Việc lưu trữ hồ sơ của đơn vị chưa khoa học, dẫn đến nhiều chứng từ cung cấp cho Đoàn Thanh tra còn chưa kịp thời, nguyên nhân: Bộ phận Kế toán trước đây đã nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, việc bàn giao hồ sơ kế toán còn chưa kịp thời dẫn đến công tác lưu trữ thiếu sót.

+ Đơn vị đã lập đầy đủ thành phần hồ sơ, chứng từ; nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, số liệu, căn cứ chi và chữ ký của người có thẩm quyền cơ bản bảo đảm theo quy định về chứng từ kế toán tại Điều 16, Điều 19 Luật Kế toán số 88/2015/QH13. Tuy nhiên, một số hồ sơ/chứng từ⁵⁶ chưa được đóng dấu là chưa đúng theo hướng dẫn của Thông tư. Nguyên nhân: Do thiếu sót của bộ phận Kế toán.

Trách nhiệm trên thuộc về nguyên Chủ tịch và Kế toán xã giai đoạn 2024-6/2025

b) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Một số công trình do UBND xã Đăk Kôi (bao gồm cả UBND xã Đăk Kôi (cũ) và UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ)) và một số công trình do phòng Kinh tế Hạ tầng huyện (cũ) bàn giao về UBND xã có một số nội dung như sau:

Có hồ sơ dự toán còn cộng sai số học (Phòng học bộ môn trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi), một số khối lượng ván khuôn tính thừa so với hồ sơ dự toán, thanh toán (Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đăk Tơ Lung), thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng phần nhân công chưa phù hợp (Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đăk Tơ Lung, Đường ra Khu sản xuất nước muối nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung, Đường ra Khu sản xuất nước muối xã Đăk Tơ Lung...); khối lượng thi công đệm móng cát chưa đủ theo hồ sơ thanh toán (Công trình Đường đi Khu sản xuất Nước Sa xã Đăk Tơ Lung); thi công khe co không cốt thép đơn vị lập dự toán phân tích vật tư không trừ máy thi công (Công

⁵⁵ GRDT số 39 ngày 13/01/2026, chuyển thanh toán tiền nạo vét, phát dọn hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã Đăk Kôi, số tiền 175.000.000 đồng.

⁵⁶ GRDT số 13, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 34, 35 ngày 25/4/2024 (tạm ứng tiền ngày công cho chiến sỹ tham gia trực SSCĐ bảo vệ nhân dịp lễ 30/4, 1/5), 35 ngày 02/02/2024 (thanh toán tiền mua VPP và nước uống của UBND xã).

trình Đường đi khu sản xuất Kon Vi Vàng, xã Đăk Tơ Lung); thi công thiếu giấy dầu cách ly (Đường ra Khu sản xuất nước muối nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung; Đường ra Khu sản xuất nước muối xã Đăk Tơ Lung; Sửa chữa Đường nội thôn Kon Long xã Đăk Tơ Lung (thôn 2)...); một số công tác theo dự toán đơn vị thi công không thực hiện như công tác vận chuyển đá (Đường đi Khu sản xuất thôn Tu Rối, xã Đăk Kôi (cũ)); rải lớp bạt lót lề đường không đủ (Đường đi khu sản xuất thôn 2 đoạn từ cầu treo thôn 2 đến nước Long)... dẫn đến số tiền thanh toán vượt cho đơn vị thi công, đơn vị cung cấp vật liệu là 158.753.000 đồng (chi tiết theo phụ lục 11 kèm theo).

Nguyên nhân: Bộ phận lập dự toán của các đơn vị còn thiếu sót, công tác giám sát thi công còn chưa đảm bảo.

Trách nhiệm thuộc về chủ đầu tư, đơn vị lập dự toán, đơn vị thi công và đơn vị giám sát.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị xử lý hành chính

a) Đề nghị Chủ tịch UBND xã Đăk Kôi

- Tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý có liên quan đến khuyết điểm, tồn tại đã được chỉ ra tại phần Kết luận.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức họp kiểm điểm đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý liên quan đến khuyết điểm, tồn tại đã được chỉ ra tại phần Kết luận.

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch khắc phục khuyết điểm và triển khai thực hiện theo quy định đối với các nội dung theo Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn lưu trữ hồ sơ của UBND xã Đăk Kôi (cũ) và UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ) sắp xếp, đóng tập, phân loại và đưa vào lưu trữ khoa học theo đúng quy định của Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Đề nghị các đơn vị trực thuộc UBND xã Đăk Kôi

- Hiệu trưởng Trường Mầm non Đăk Kôi báo cáo hiện trạng đối với nhà học 2 phòng trên địa bàn thôn 4 của nhà trường đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn, đề xuất UBND xã hướng xử lý đảm bảo theo quy định đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công.

- Hiệu trưởng Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi chỉ đạo bộ phận Kế toán điều chỉnh sổ theo dõi tài sản năm 2024; tham mưu sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chưa phù hợp như: quy định thanh toán tiền cho hoạt động xét công nhận tốt nghiệp, in sao đề, ra đề kiểm tra; rút kinh nghiệm trong việc sử dụng căn cứ văn bản pháp luật hết hiệu lực trong việc mua sắm tại đơn vị.

- Hiệu trưởng các Trường Mầm non Đăk Kôi, Mầm Non Đăk Tơ Lung, Trường PTDTBT THCS Đăk Tơ Lung, Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi: Rà

soát, đánh giá lại định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho khối các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường mầm non báo cáo UBND xã để xem xét cấp bổ sung kinh phí thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định, nhằm tạo điều kiện cho các trường có đủ nguồn tài chính tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

2. Xử lý kinh tế

Đề nghị UBND xã Đắk Kôi thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước (qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số 3949.0.1082449.00000 mở tại Kho bạc nhà nước Khu vực XV - Phòng Nghiệp vụ 2) số tiền **168.545.984 đồng** (bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng), cụ thể:

- Thu hồi số tiền thanh toán cho các đơn vị thi công, xây lắp và cung cấp vật liệu sai quy định 158.753.000 đồng (có danh mục công trình kèm theo).

- Thu hồi số tiền 3.493.093 đồng, đối với nội dung thanh toán chưa phù hợp tại công trình sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đập thôn 1 do phòng Kinh tế thực hiện.

- Thu hồi số tiền 6.299.891 đồng, đối với nội dung phát dọn tuyến kênh và khối lượng nạo vét đập đầu mối do xác định khối lượng phát dọn, nạo vét chưa phù hợp.

3. Thực hiện kết luận thanh tra

Đề nghị Chủ tịch UBND xã Đắk Kôi chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch khắc phục các khuyết điểm và tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (kèm theo các hồ sơ, tài liệu minh chứng) về Thanh tra tỉnh trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra; đồng thời, niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị theo quy định.

Giao Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh thực hiện công khai Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh theo quy định; Trưởng phòng Nghiệp vụ 8 theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra./

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
 - Đảng ủy xã Đắk Kôi
 - UBND xã Đắk Kôi (t/hiện);
 - Văn phòng; các Phòng: NV3, NV8;
 - Lưu: VT, HS Đoàn thanh tra, (nttlinh: 16 b).
- * Tài liệu được phép sao, chụp theo quy định

(báo cáo)

CHÁNH THANH TRA



Thái Văn Tường

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	2	3	4	5	6	7
I	TỔ CHỨC					
II	CÁ NHÂN					
1	Bà Nguyễn Thị Hồng, Hiệu trưởng Trường Mầm non Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Trường Mầm non Đăk Kôi khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
2	Bà Nguyễn Thị Hạnh, nhân viên Kế toán Trường Mầm non Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của Trường Mầm non Đăk Kôi về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
3	Bà Nguyễn Thị Huyền, Hiệu trưởng Trường Mầm non Đăk Tơ Lung	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Trường Mầm non Đăk Tơ Lung khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	

PHỤ LỤC
Ngày 22 tháng 1
KINH TẾ

MẬT

[illegible]

4	Bà Trần Thị Lương, nhân viên Kế toán Trường Mầm non Đăk Tơ Lung	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của Trường Mầm non Đăk Tơ Lung về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
5	Bà Trần Thị Thanh Huyền, Hiệu trưởng Trường PTDTBT THCS Đăk Tơ Lung	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Trường PTDTBT THCS Đăk Tơ Lung khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
6	Bà Lê Thị Bích Trâm, nhân viên Kế toán Trường PTDTBT THCS Đăk Tơ Lung	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của Trường PTDTBT THCS Đăk Tơ Lung về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
7	Ông Trương Chí Tuyển, Hiệu trưởng Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
8	Bà Võ Thị Xuân Linh, nhân viên Kế toán Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của Trường PTDTBT THCS Đăk Kôi về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	

9	Ông Trần Minh Tiến, Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Văn phòng HĐND-UBND xã Đăk Kôi khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc (giai đoạn tháng 7 đến tháng 12 năm 2025)	x	0	0	
10	Ông Lê Ngọc Quý, công chức kế toán của Văn phòng HĐND-UBND xã Đăk Kôi (giai đoạn tháng 7 đến tháng 12 năm 2025) và UBND xã Đăk Tơ Lung cũ (giai đoạn từ năm 2024 đến tháng 6 năm 2025)	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của Văn phòng HĐND-UBND xã Đăk Kôi (giai đoạn tháng 7 đến tháng 12 năm 2025) về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, và nguyên kế toán UBND xã Đăk Tơ Lung cũ (giai đoạn từ năm 2024 đến tháng 6 năm 2025)	x	0	0	
11	Ông Đinh Ngọc Hải, Trưởng phòng kinh tế xã Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của Trưởng phòng kinh tế xã Đăk Kôi khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc (giai đoạn tháng 7 đến tháng 12 năm 2025)	x	0	0	
12	Ông Văn Công Tuấn, công chức phòng kinh tế xã Đăk Kôi	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường của phòng kinh tế xã Đăk Kôi về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc (giai đoạn tháng 7 đến tháng 12 năm 2025)	x	0	0	
13	Ông Nguyễn Ngọc Đông, nguyên Chủ tịch UBND	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của UBND xã Đăk Kôi (cũ) giai đoạn năm 2024 đến tháng 5/2025 khi để xảy ra	x	0	0	

	xã Đăk Kôi (cũ) giai đoạn năm 2024 đến tháng 5 năm 2025	những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc				
14	Ông Đào Thanh Sang, nguyên Chủ tịch UBND xã Đăk Kôi (cũ) trong tháng 6 năm 2025; nguyên Chủ tịch UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ) giai đoạn từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2024	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của UBND xã Đăk Kôi (cũ) trong tháng 6/2025 và là người đứng đầu, chủ tài khoản của UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ) giai đoạn từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2024 khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	
15	Ông Cao Trung Tín, nguyên Kế toán UBND xã Đăk Kôi (cũ)	Chịu trách nhiệm của người tham mưu lĩnh vực kế toán của UBND xã Đăk Kôi (cũ) về toàn bộ các tồn tại, hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc (giai đoạn năm 2024 đến tháng 6 năm 2025)	x	0	0	
16	Ông Đinh Địa, nguyên Chủ tịch UBND xã Đăk Tơ Lung cũ giai đoạn từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025	Chịu trách nhiệm của người đứng đầu, chủ tài khoản của UBND xã Đăk Tơ Lung (cũ) giai đoạn từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025 khi để xảy ra những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; sắp xếp, xử lý, quản lý và sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Đăk Kôi và các đơn vị trực thuộc	x	0	0	

III. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về Văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
I	2	3	4	5	6
I	KIẾN NGHỊ BÃI BỎ	0	0	0	0
II	KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG Đề nghị Hiệu trưởng Trường Phổ thông dân tộc bán trú, trung học cơ sở Đăk Kôi sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị	02/QĐ-THCS	03/01/2025	Trường PTDTBT, THCS Đăk Kôi	0
III	KIẾN NGHỊ BAN HÀNH MỚI	0	0	0	0

IV. TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC: Không

Phụ lục 1

Nguồn kinh phí nhà nước cấp tại trường Mầm non xã Đắk Kôi
giai đoạn 2024-2025

(Kèm theo Kết luận thanh tra số ~~111~~ KL-TTR ngày ~~22/7~~ 2026
của Chánh Thanh tra)

a. Năm 2024



ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện	Dự toán giao đầu năm và phát sinh trong năm (tăng, giảm)	Tổng Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Dự toán còn tồn cuối năm (tồn KBNN)
A	B	1	2	3=1+2	4	5
	Tổng cộng	6.447.000	5.049.706.000	5.056.153.000	5.041.337.000	14.816.000
1	Cân đối ngân sách	6.447.000	4.223.143.000	4.229.590.000	4.214.774.000	14.816.000
a	Kinh phí thực hiện không tự chủ	6.447.000	4.223.143.000	4.229.590.000	4.214.774.000	14.816.000
-	Lương và các khoản theo lương	6.447.000	3.914.456.000	3.920.903.000	3.920.903.000	-
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế, trong đó:	-	267.642.000	267.642.000	252.826.000	14.816.000
+	NSNN cấp		267.642.000	267.642.000	252.826.000	14.816.000
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		33.904.000	33.904.000	33.904.000	-
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ GV dạy lớp có trẻ sinh khuyết tật		7.141.000	7.141.000	7.141.000	-
2	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	742.740.000	742.740.000	742.740.000	-
-	KP hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	330.735.000	330.735.000	330.735.000	-
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	-	40.035.000	40.035.000	40.035.000	-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	290.700.000	290.700.000	290.700.000	-

-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	-	14.400.000	14.400.000	14.400.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2018; NĐ06		397.605.000	397.605.000	397.605.000	-
4	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024		83.823.000	83.823.000	83.823.000	
-	Tiền thưởng		83.823.000	83.823.000	83.823.000	

b. Năm 2025

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện	Dự toán giao đầu năm và phát sinh trong năm (tăng, giảm)	Tổng Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Dự toán còn tồn cuối năm (tồn KBNN)
A	B	1	2	3=1+2	4	5
	Tổng cộng	-	5.896.212.849	5.896.212.849	5.896.212.849	-
1	Cân đối ngân sách	-	4.893.124.849	4.893.124.849	4.893.124.849	-
a	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-	4.893.124.849	4.893.124.849	4.893.124.849	-
-	Lương và các khoản theo lương		4.628.877.548	4.628.877.548	4.628.877.548	
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế, trong đó:	-	219.287.301	219.287.301	219.287.301	--
+	NSNN cấp		219.287.301	219.287.301	219.287.301	-
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		24.960.000	24.960.000	24.960.000	-
-	Kinh phí mua phần mềm đánh giá chất lượng giáo dục	-	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
2	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	824.630.000	824.630.000	824.630.000	-
-	KP hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và nghị định 238/NĐ-CP	-	368.250.000	368.250.000	368.250.000	-

+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	-	67.950.000	67.950.000	67.950.000	-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	300.300.000	300.300.000	300.300.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2018; NĐ06		398.750.000	398.750.000	398.750.000	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa, đồ dùng cho trẻ em nhà trẻ theo nghị định 66/NĐ-Cp		57.630.000	57.630.000	57.630.000	
3	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024		178.458.000	178.458.000	178.458.000	
-	Tiền thưởng		178.458.000	178.458.000	178.458.000	

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5 = 3-4	6
I	NĂM 2024				
	Tổng cộng	5.041.337.000	5.041.337.000	0	
1	Cân đối ngân sách	4.214.774.000	4.214.774.000	0	
a	Kinh phí thực hiện không tự chủ	4.214.774.000	4.214.774.000	0	
-	Lương và các khoản theo lương	3.920.903.000	3.920.903.000	0	
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế, trong đó:	252.826.000	252.826.000	0	
+	NSNN cấp	252.826.000	252.826.000	0	
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	33.904.000	33.904.000	0	
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ GV dạy lớp có trẻ sinh khuyết tật	7.141.000	7.141.000	0	

2	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	742.740.000	742.740.000	0	
-	KP hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	330.735.000	330.735.000	0	
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	40.035.000	40.035.000	0	
+	Hỗ trợ chi phí học tập	290.700.000	290.700.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	14.400.000	14.400.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020; NĐ06	397.605.000	397.605.000	0	
4	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024	83.823.000	83.823.000	0	
-	Tiền thưởng	83.823.000	83.823.000	0	
	NĂM 2025				
	Tổng cộng	5.896.212.849	5.896.212.849	0	-
1	Cân đối ngân sách	4.893.124.849	4.893.124.849	0	-
a	Kinh phí thực hiện không tự chủ	4.893.124.849	4.893.124.849	0	-
-	Lương và các khoản theo lương	4.628.877.548	4.628.877.548	0	
-	Thường xuyên theo định mức biên chế, trong đó:	219.287.301	219.287.301	0	--
+	NSNN cấp	219.287.301	219.287.301	0	-
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	24.960.000	24.960.000	0	-
-	Kinh phí mua phần mềm đánh giá chất lượng giáo dục	20.000.000	20.000.000	0	
2	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	824.630.000	824.630.000	0	-
-	KP hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và nghị định 238/NĐ-CP	368.250.000	368.250.000	0	-
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	67.950.000	67.950.000	0	-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	300.300.000	300.300.000	0	-

-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020/NĐ-CP; NĐ: 06/2025/NĐ-CP	398.750.000	398.750.000	0	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa, đồ dùng cho trẻ em nhà trẻ theo nghị định 66/NĐ-Cp	57.630.000	57.630.000	0	
3	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024	178.458.000	178.458.000	0	
-	Tiền thưởng	178.458.000	178.458.000	0	

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp tại trường Mầm non Đắc Tư Lung

(Kèm theo Kết luận thanh tra số **111**/KL-TT ngày **22**/**7**/2026

của Chánh Thanh tra)



ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện	Dự toán giao đầu năm và phát sinh trong năm (tăng, giảm)	Tổng Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Dự toán còn tồn cuối năm (tồn KBNN)
A	B	1	2	3 = 1+2	4	5=3-4
I	Năm 2024	3.901.000	4.342.780.000	4.346.681.000	4.331.865.000	14.816.000
1	Cân đối ngân sách	-	3.861.862.000	3.861.862.000	3.847.046.000	14.816.000
-	Lương và các khoản theo lương		3.578.983.000	3.578.983.000	3.578.983.000	-
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	-	267.279.000	267.279.000	252.463.000	14.816.000
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng học sinh DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		15.600.000	15.600.000	15.600.000	-
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	3.901.000	-	3.901.000	3.901.000	-
3	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP		80.098.000	80.098.000	80.098.000	
-	Tiền thưởng		80.098.000	80.098.000	80.098.000	
4	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	400.820.000	400.820.000	400.820.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020/NĐ-CP; NĐ số 06/2018/NĐ-CP		237.790.000	237.790.000	237.790.000	
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	163.030.000	163.030.000	163.030.000	-
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% thực hiện chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	-	22.780.000	22.780.000	22.780.000	-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	140.250.000	140.250.000	140.250.000	-
II	Năm 2025		5.304.652.065	5.304.652.065	5.304.652.065	-
1	Cân đối ngân sách	-	4.665.769.565	4.665.769.565	4.665.769.565	-
-	Lương và các khoản theo lương		4.444.423.499	4.444.423.499	4.444.423.499	-

-	Thường xuyên theo định mức biên chế	-	201.346.066	201.346.066	201.346.066	-
-	Kinh phí mua phần mềm đánh giá chất lượng giáo dục	-	20.000.000	20.000.000	20.000.000	-
2	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP		177.503.000	177.503.000	177.503.000	
-	Tiền thưởng		177.503.000	177.503.000	177.503.000	
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	461.379.500	461.379.500	461.379.500	-
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	-	9.360.000	9.360.000	9.360.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020/NĐ-CP; NĐ số 06/2018/NĐ-CP		209.982.000	209.982.000	209.982.000	
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa, đồ dùng cho trẻ em nhà trẻ theo nghị định 66/2025NĐ-CP		53.550.000	53.550.000	53.550.000	
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và nghị định 238/NĐ-CP	-	188.487.500	188.487.500	188.487.500	-
+	<i>Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% thực hiện chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL</i>	-	50.637.500	50.637.500	50.637.500	-
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập</i>	-	137.850.000	137.850.000	137.850.000	-

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
I	Năm 2024	4.331.865.000	4.331.865.000		
1	Cân đối ngân sách	3.847.046.000	3.847.046.000		
-	Lương và các khoản theo lương	3.578.983.000	3.578.983.000		
-	Thường xuyên theo định mức biên chế	252.463.000	252.463.000		
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng học sinh DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	15.600.000	15.600.000		

2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	3.901.000	3.901.000		
3	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	80.098.000	80.098.000		
-	Tiền thưởng	80.098.000	80.098.000		
4	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	400.820.000	400.820.000		
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020/NĐ-CP; NĐ số 06/2018/NĐ-CP	237.790.000	237.790.000		
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	163.030.000	163.030.000		
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% thực hiện chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	22.780.000	22.780.000		
+	Hỗ trợ chi phí học tập	140.250.000	140.250.000		
II	Năm 2025	5.304.652.065	5.304.652.065		
1	Cân đối ngân sách	4.665.769.565	4.665.769.565		
-	Lương và các khoản theo lương	4.444.423.499	4.444.423.499		
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	201.346.066	201.346.066		
-	Kinh phí mua phần mềm đánh giá chất lượng giáo dục	20.000.000	20.000.000		
2	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	177.503.000	177.503.000		
-	Tiền thưởng	177.503.000	177.503.000		
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	461.379.500	461.379.500		
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT&XH	9.360.000	9.360.000		
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo NĐ105/2020/NĐ-CP; NĐ số 06/2018/NĐ-CP	209.982.000	209.982.000		
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa, đồ dùng cho trẻ em nhà trẻ theo nghị định 66/2025NĐ-CP	53.550.000	53.550.000		
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và nghị định 238/NĐ-CP	188.487.500	188.487.500		
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% thực hiện chi thường xuyên và 40% để thực hiện CCTL	50.637.500	50.637.500		
+	Hỗ trợ chi phí học tập	137.850.000	137.850.000		

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp của trường PTDTBT THCS

Đăk Tô Lung 2024-2025

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 117/KL-TTR ngày 22/7/2026 của Chánh Thanh tra)



ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện	Dự toán giao đầu năm và phát sinh trong năm (tăng, giảm)	Tổng Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Dự toán còn tồn cuối năm (tồn KBNN)
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4
I	Năm 2024	32.313.000	4.366.171.600	4.398.484.600	4.373.204.600	25.280.000
1	Cân đối ngân sách	20.000.000	3.633.335.000	3.653.335.000	3.631.267.000	22.068.000
*	Kinh phí thực hiện không tự chủ	20.000.000	3.633.335.000	3.653.335.000	3.631.267.000	22.068.000
-	Lương và các khoản theo lương	-	3.112.100.000	3.112.100.000	3.112.100.000	-
-	Kinh phí chi thường xuyên theo định mức		251.713.000	251.713.000	238.309.000	13.404.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ thẻ dực	-	11.468.000	11.468.000	11.464.000	4.000
-	Kinh phí giáo viên dạy học sinh khuyết tật		50.500.000	50.500.000	48.912.000	1.588.000
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		103.012.000	103.012.000	95.940.000	7.072.000
-	Kinh phí mua phần mềm thư viện	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	-
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP		104.542.000	104.542.000	104.542.000	-
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	12.313.000	478.328.600	490.641.600	490.641.600	-
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	254.508.000	254.508.000	251.296.000	3.212.000
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	203.244.000	203.244.000	200.032.000	3.212.000
+	Kinh phí cấp bù học phí (Khoản 60% được trích để thực hiện chi thường xuyên)	-	27.294.000	27.294.000	24.082.000	3.212.000
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	175.950.000	175.950.000	175.950.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	-	51.264.000	51.264.000	51.264.000	-
II	Năm 2025	-	5.522.806.345	5.522.806.345	5.522.806.345	-
1	Cân đối ngân sách	-	4.072.230.345	4.072.230.345	4.072.230.345	-

*	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-	4.072.230.345	4.072.230.345	4.072.230.345	-
-	Lương và các khoản theo lương	-	3.446.971.582	3.446.971.582	3.446.971.582	-
-	Kinh phí chi thường xuyên theo định mức		297.724.763	297.724.763	297.724.763	-
-	Kinh phí mua sắm phần mềm kiểm định chất lượng	-	20.000.000	20.000.000	20.000.000	-
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		97.344.000	97.344.000	97.344.000	-
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP		210.190.000	210.190.000	210.190.000	-
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		758.584.000	758.584.000	758.584.000	-
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	691.992.000	691.992.000	691.992.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	-	436.116.000	436.116.000	436.116.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	212.820.000	212.820.000	212.820.000	-
+	Kinh phí cấp bù học phí (Khoản 60% được trích để thực hiện chi thường xuyên)	-	28.320.000	28.320.000	28.320.000	-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	184.500.000	184.500.000	184.500.000	-
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT&XH	-	43.056.000	43.056.000	43.056.000	-

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
I	Năm 2024	4.373.204.600	4.373.204.600		
1	Cân đối ngân sách	3.631.267.000	3.631.267.000		
*	Kinh phí thực hiện không tự chủ	3.631.267.000	3.631.267.000		
-	Lương và các khoản theo lương	3.112.100.000	3.112.100.000		
-	Kinh phí chi thường xuyên theo định mức	238.309.000	238.309.000		
-	Kinh phí thực hiện chế độ thẻ dực	11.464.000	11.464.000		
-	Kinh phí giáo viên dạy học sinh khuyết tật	48.912.000	48.912.000		

-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	95.940.000	95.940.000		
-	Kinh phí mua phần mềm thư viện	20.000.000	20.000.000		
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	104.542.000	104.542.000		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	490.641.600	490.641.600		
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	251.296.000	251.296.000		
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	200.032.000	200.032.000		
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% để thực hiện	24.082.000	24.082.000		
+	Hỗ trợ chi phí học tập	175.950.000	175.950.000		
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT&XH	51.264.000	51.264.000		
II	Năm 2025	5.522.806.345	5.522.806.345		-
1	Cân đối ngân sách	4.072.230.345	4.072.230.345		-
*	Kinh phí thực hiện không tự chủ	4.072.230.345	4.072.230.345		-
-	Lương và các khoản theo lương	3.446.971.582	3.446.971.582		-
-	Kinh phí chi thường xuyên theo định mức	297.724.763	297.724.763		-
-	Kinh phí mua sắm phần mềm kiểm định chất lượng	20.000.000	20.000.000		-
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	97.344.000	97.344.000		-
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	210.190.000	210.190.000		-
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	758.584.000	758.584.000		-
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	691.992.000	691.992.000		-
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	436.116.000	436.116.000		-
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	212.820.000	212.820.000		-
+	Kinh phí cấp bù học phí (Khoản 60% được trích để thực hiện chi thường xuyên)	28.320.000	28.320.000		-
+	Hỗ trợ chi phí học tập	184.500.000	184.500.000		-

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp của trường
PTDTBT THCS Đắk Kôi 2024-2025
(Kèm theo Kết luận thanh tra số ~~111~~ **111**/KL-TTR ngày ~~22~~ **22**/~~7~~ **7**/2026
của Chánh Thanh tra)



ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí năm trước chuyển sang tiếp tục thực hiện	Dự toán giao đầu năm và phát sinh trong năm (tăng, giảm)	Tổng Dự toán được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Dự toán còn tồn cuối năm (tồn KBNN)
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4
I	Năm 2024	30.926.000	7.132.583.600	7.163.509.600	7.163.509.564	36
1	Cân đối ngân sách	20.000.000	4.327.084.000	4.347.084.000	4.347.083.964	36
-	Lương và các khoản theo lương	-	3.801.700.000	3.801.700.000	3.801.700.000	
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	-	274.239.000	274.239.000	274.239.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ bana; lớp ghép; thẻ dực	-	10.820.000	10.820.000	10.820.000	
-	Kinh phí thực hiện vận chuyển gạo	-	5.171.000	5.171.000	5.171.000	
-	Kinh phí mua sắm phần mềm bài giảng E-Learning	20.000.000		20.000.000	20.000.000	
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		116.896.000	116.896.000	116.896.000	
-	Kinh phí thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật		6.343.000	6.343.000	6.343.000	
-	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	-	111.915.000	111.915.000	111.914.964	36
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	10.926.000	1.436.499.600	1.447.425.600	1.447.425.600	
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	1.369.000.000	1.369.000.000	1.369.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	-	1.027.416.000	1.027.416.000	1.027.416.000	
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	-	14.400.000	14.400.000	14.400.000	
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	327.184.000	327.184.000	327.184.000	
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% để thực hiện chi thường xuyên và 40% chi cải cách tiền lương	-	36.784.000	36.784.000	36.784.000	
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	290.400.000	290.400.000	290.400.000	

II	Năm 2025		8.378.472.550	8.378.472.550	8.377.500.550	972.000
1	Cân đối ngân sách		5.618.247.550	5.618.247.550	5.617.275.550	972.000
-	Lương và các khoản theo lương	-	4.959.693.550	4.959.693.550	4.959.693.550	
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	-	284.705.000	284.705.000	283.733.000	972.000
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021		119.184.000	119.184.000	119.184.000	
-	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	-	234.665.000	234.665.000	234.665.000	
-	Kinh phí phần mềm kiểm định chất lượng giáo viên		20.000.000	20.000.000	20.000.000	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		1.104.276.000	1.104.276.000	1.104.276.000	
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	-	1.655.949.000	1.655.949.000	1.655.949.000	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	-	1.306.361.000	1.306.361.000	1.306.361.000	
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	-	7.488.000	7.488.000	7.488.000	
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	-	342.100.000	342.100.000	342.100.000	
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% để thực hiện chi thưởng xuyên và 40% chi cải cách tiền lương	-	45.400.000	45.400.000	45.400.000	
+	Hỗ trợ chi phí học tập	-	296.700.000	296.700.000	296.700.000	

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung chi theo dự toán	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
I	Năm 2024	7.163.509.564	7.163.509.564		
1	Cân đối ngân sách	4.347.083.964	4.347.083.964		
-	Lương và các khoản theo lương	3.801.700.000	3.801.700.000		
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	274.239.000	274.239.000		
-	Kinh phí thực hiện chế độ bana; lớp ghép; thẻ dục	10.820.000	10.820.000		
-	Kinh phí thực hiện vận chuyển gạo	5.171.000	5.171.000		
-	Kinh phí mua sắm phần mềm bài giảng E-Learning	20.000.000	20.000.000		
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	116.896.000	116.896.000		

-	Kinh phí thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật	6.343.000	6.343.000		
-	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	111.914.964	111.914.964		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.447.425.600	1.447.425.600		
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	1.369.000.000	1.369.000.000		
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	1.027.416.000	1.027.416.000		
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	14.400.000	14.400.000		
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	327.184.000	327.184.000		
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% để thực hiện chi thường xuyên và 40% chi cải cách tiền lương	36.784.000	36.784.000		
+	Hỗ trợ chi phí học tập	290.400.000	290.400.000		
II	Năm 2025	8.377.500.550	8.377.500.550		
1	Cân đối ngân sách	5.617.275.550	5.617.275.550		
-	Lương và các khoản theo lương	4.959.693.550	4.959.693.550		
-	Thưởng xuyên theo định mức biên chế	283.733.000	283.733.000		
-	Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 9/7/2021	119.184.000	119.184.000		
-	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	234.665.000	234.665.000		
-	Kinh phí phần mềm kiểm định chất lượng giáo viên	20.000.000	20.000.000		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.104.276.000	1.104.276.000		
3	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	1.655.949.000	1.655.949.000		
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	1.306.361.000	1.306.361.000		
-	Kinh phí hỗ trợ theo TTLT số 42/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB&XH	7.488.000	7.488.000		
-	Kinh phí hỗ trợ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	342.100.000	342.100.000		
+	Kinh phí cấp bù học phí được trích 60% để thực hiện chi thường xuyên và 40% chi cải cách tiền lương	45.400.000	45.400.000		
+	Hỗ trợ chi phí học tập	296.700.000	296.700.000		

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp tại Văn phòng

HĐND và UBND xã Đắk Kôi

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 177/KL-TT ngày 22/7/2026 của Chánh Thanh tra)



ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Dự toán giao (đầu năm + bổ sung)	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn chuyển sang năm sau	Ghi chú
	Tổng cộng	0	7.749,51	7.749,51	7.469,11	280,4	
-	KP thực hiện tự chủ		2.804,9	2.804,9	2.804,9	0	
-	KP không thực hiện tự chủ		4.827,44	4.827,44	4.659,22	168,22	
-	Chương trình MTQG		117,17	117,17	4,99	112,18	

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số đơn vị quyết toán	Số Kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
	Tổng cộng	7.469,11	7.469,11	0	
-	KP thực hiện tự chủ	2.804,9	2.804,9	0	
-	KP không thực hiện tự chủ	4.659,22	4.659,22	0	
-	Chương trình MTQG	4,99	4,99	0	

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp tại phòng Kinh tế UBND xã Đắk Kôi

(Kèm theo Kết luận thanh tra số ~~417~~ **417**/KL-TT ngày ~~22.7~~ **22.7**/2026
của Chánh Thanh tra)

**DVT: Triệu đồng**

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Dự toán giao (đầu năm + bổ sung)	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn chuyển sang năm sau	Ghi chú
	Tổng cộng	0	2.685,20	2.685,20	2.656,20	29,00	
-	Chi quản lý hành chính	0	1.638,87	1.638,87	1.609,87	29	
-	Sự nghiệp kinh tế	0	526	526	526	0	
-	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	0	111,88	111,88	111,88	0	
-	Bổ sung mục tiêu trong năm	0	408,45	408,45	408,45	0	

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**DVT: Triệu đồng**

Số TT	Nội dung	Số đơn vị quyết toán	Số Kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
	Tổng cộng	2.656,20	2.646,41	9,79	
-	Chi quản lý hành chính	1.609,87	1.609,87		
-	Sự nghiệp kinh tế	526	516,21	9,79	
-	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	111,88	111,88		
-	Bổ sung mục tiêu trong năm	408,45	408,45		

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp tại phòng Văn hóa xã hội xã Đắk Kôi

(Kèm theo Kết luận thanh tra số ~~111~~ /KL-TT ngày ~~22~~ /~~7~~ /2026 của Chánh Thanh tra)



ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Kinh phí giao đầu năm và bổ sung trong năm	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn KBNN hoặc chuyển sang năm sau/Hủy DT
1	2	3	4	5=3+4	6	6
	Tổng cộng		5.338.228.865	5.338.228.865	5.131.054.392	207.174.473
1	Chi quản lý hành chính		1.519.260.407	1.519.260.407	1.509.307.145	9.953.262
2	Chi đảm bảo xã hội		1.135.333.400	1.135.333.400	1.128.827.459	6.505.941
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		11.793.600	11.793.600	11.793.600	0
4	Chi Sự nghiệp giáo dục		946.443.458	946.443.458	908.480.000	37.963.458
5	Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình		13.000.000	13.000.000	11.281.734	1.718.266
6	Sự nghiệp khoa học - công nghệ		51.000.000	51.000.000	0	51.000.000
7	Sự nghiệp văn hóa - thông tin		95.000.000	95.000.000	94.966.454	33.546
8	Bổ sung mục tiêu ¹		1.566.398.000	1.566.398.000	1.466.398.000	100.000.000

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	5.131.054.392	5.131.054.392		
1	Chi quản lý hành chính	1.509.307.145	1.509.307.145		
2	Chi đảm bảo xã hội	1.128.827.459	1.128.827.459		
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.793.600	11.793.600		
4	Chi Sự nghiệp giáo dục	908.480.000	908.480.000		
5	Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	11.281.734	11.281.734		
6	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	94.966.454	94.966.454		
7	Bổ sung mục tiêu	1.466.398.000	1.466.398.000		

¹ Gồm: (1) Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ năm 2025; (2) Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; (3) Kinh phí lập bản đồ địa giới hành chính; (4) Kinh phí quà tặng nhân dân 2/9/2025; (5) Quà Tết Nguyên đán cho các gia đình chính sách...

Kiểm tra nguồn kinh phí nhà nước cấp tại Trung tâm hành chính công

(Kèm theo Kết luận thanh tra số **KL-TTR** ngày **22/7/2026**
của Chánh Thanh tra)

**ĐVT: triệu đồng**

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Dự toán giao (đầu năm + bổ sung)	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn chuyển sang năm sau	Ghi chú
	Tổng cộng	0	1.929,98	1.929,98	1.929,29	0,68	
-	KP thực hiện tự chủ	0	478,80	478,80	478,80	0,00	
-	KP không thực hiện tự chủ	0	1.451,18	1.451,18	1.450,49	0,68	

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**ĐVT: Triệu đồng**

Số TT	Nội dung	Số đơn vị báo cáo	Số Kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
	Tổng cộng	1.929,29	1.929,29	0	
-	KP thực hiện tự chủ	478,80	478,80	0	
-	KP không thực hiện tự chủ	1.450,49	1.450,49	0	

Tổng hợp các nguồn kinh phí được cấp 2024-2025 tại UBND xã Đắk Kôi (cũ)

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 11/KL-TT ngày 22/7/2026 của Chánh Thanh tra)

MẬT



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Dự toán giao (đầu năm + bổ sung)	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn chuyển sang năm sau	Ghi chú
I	Năm 2024	46.069.371	7.432.218.700	7.478.288.071	7.337.131.822	141.156.249	
1	KP thực hiện tự chủ	46.069.371	5.334.774.000	5.380.843.371	5.354.356.642	26.486.729	Chuyển nguồn còn 23.486.729 do DT giữ lại 3.000.000
2	KP không thực hiện tự chủ		2.097.444.700	2.097.444.700	1.982.775.180	114.669.520	
II	Năm 2025	23.486.729	8.182.341.000	8.205.827.729	4.053.864.298	4.151.963.431	
1	KP thực hiện tự chủ	23.486.729	6.323.722.000	6.347.208.729	3.137.626.427	3.209.582.302	
2	KP không thực hiện tự chủ		1.858.619.000	1.858.619.000	916.237.871	942.381.129	

Tổng hợp các nguồn kinh phí được cấp 2024-2025 của
UBND xã Đắk Tô Lung (cũ)

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 47/KL-TT ngày 22/7/2026 của Chánh Thanh tra)



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kỳ trước chuyển sang	Dự toán giao (đầu năm + bổ sung)	Kinh phí được sử dụng	Kinh phí quyết toán	Còn tồn chuyển sang năm sau	Ghi chú
1	Năm 2024	0	6.159,85	6.616,85	6.528,35	88,51	
-	KP thực hiện tự chủ	457,00	4.320,04	4.777,05	4.688,54	88,51	
-	KP không thực hiện tự chủ		1.839,81	1.839,81	1.839,81	0,00	
2	Năm 2025	88,51	7.631,65	7.845,71	3.806,82	0,00	
-	KP thực hiện tự chủ	88,51	5.964,03	6.187,41	2.945,08		
-	KP không thực hiện tự chủ		1.667,62	1.658,29	861,74		

2. Kết quả kiểm tra nguồn kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
	Năm 2024	6.528,35	6.528,35	0	
-	KP thực hiện tự chủ	4.688,54	4.688,54	0	
-	KP không thực hiện tự chủ	1.839,81	1.839,81	0	
	Năm 2025	3.806,82	3.806,82	0	
-	KP thực hiện tự chủ	2.945,08	2.945,08	0	
-	KP không thực hiện tự chủ	861,74	861,74	0	

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 12/ KL-TT ngày 22/1/2026 của Chánh Thanh

TỔNG HỢP THEO D
 01/01/2018 KL-TTK (Ng
 tra)

[illegible]

Phụ lục 12

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2024-2025
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 117/KL-TT ngày 21/7/2026 của Chánh Thanh tra)

MẬT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	Giá trị dự toán	Giá trị nghiệm thu thanh toán
I	Đầu tư công		2.619	1.575
1	Trường Mầm non xã Đăk Kôi (điểm chính), huyện Kon Rẫy. Hạng mục: Xây mới 01 nhà vệ sinh, hệ thống cấp, thoát nước và các hạng mục phụ trợ;	2025	389	388
2	Dự án tu bổ, phục hồi di tích lịch sử cách mạng căn cứ Huyện ủy H16	2025	1760	1187
3	Hỗ trợ máy móc (Máy sấy khô (dùng điện và dầu diesel))	2024	250	
4	Hỗ trợ máy móc (Máy sấy khô (dùng điện và than, củi), máy hấp)	2024	220	
II	Chương trình mục tiêu QG XD NTM		3.616	3.616
1	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Lung	2025	83	83
2	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Keng	2025	83	83
3	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn 1,2,3,4,5,8	2025	222	222
4	Đường đi khu sản xuất Kon Vi Vàng, xã Đăk Tơ Lung	2025	327	327
5	Đường đi khu sản xuất nước Trú nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333
6	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Vi Vàng	2024	82	82
7	Đường đi khu sản xuất nước Krá 1 nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333
8	Đường đi khu sản xuất nước Krá 2 nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333
9	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Lỗ	2024	79	79
10	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Lang, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357
11	Nước sinh hoạt Kon Long, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357
12	Nước sinh hoạt Kon Bì, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357
13	Cấp nước sinh hoạt trường THCS xã Đăk Kôi	2024	670	670
III	Chương trình mục tiêu QG PT KTXH vùng ĐBDTTS		11.855,17	9.837,11
-	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			
	Hỗ trợ nhà ở	2025	200	200
	Hỗ trợ nhà ở	2024	308	308
1	Đường đi khu sản xuất thôn 2 đoạn từ cầu treo thôn 2 đến nước Long. Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	2025	1950	1,941
2	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tu Ngó - Kon Bông	2025	2,172	2,164
3	Phòng học bộ môn trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi	2025	2.713	2698

4	Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc tại trường PTDTBT - THCS Đắk Kôi	2024	950	942
5	Đường đi KSX Dân Quân xã Đắk Tơ Lung	2025	701	699
6	Đường đi KSX thôn Tu Rối, xã Đắk Kôi	2025	2.229	2.184
7	Đường từ tỉnh lộ 677 đi khu sản xuất nước Sơn nổi dài xã Đắk Tơ Lung	2025	250	250
8	Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đắk Tơ Lung	2025	300	300
9	Đường ra KSX nước muối nhánh 2 xã Đắk Tơ Lung	2025	252	252
10	Đường đi khu sản xuất Ngọc Tơ ve xã Đắk Tơ Lung	2025	252	252
11	Đường đi KSX tập Nước Nhê Nhánh 2 xã Đắk Tơ Lung	2025	252	252
12	Đường đi KSX Nước Sa xã Đắk Tơ Lung	2025	252	252
13	Đường đi KSX Nước Muối xã Đắk Tơ Lung	2025	252	252
14	Sửa chữa Đường nội thôn Kon Long xã Đắk Tơ Lung	2024-2025	370	370
15	Đường ra khu sản xuất thôn 2 xã Đắk Tơ Lung	2024-2025	370	370
16	Đường nội Thôn Kon Mong Tu xã Đắk Tơ Lung	2024-2025	252	252
IV	Công trình, dự án khác		1.249,39	1.142,39
1	Sửa chữa, khắc phục đường đi khu sản xuất nước BRẫy và nước Hra thôn Kon Rá	2025	147	147
2	Sửa chữa, khắc phục đường đi khu sản xuất Nước Tơ Lung, thôn Kon Mong Tu	2025	156	156
3	Sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Kôi và Trung tâm Hành chính công xã	2025	828	721
4	Cầu treo thôn 5 (Kon Vi Vàng) và cầu treo thôn 2 (Tu Ngó-Kon Bông) xã Đắk Kôi	2025	118,391	118,391
	Tổng cộng		19.339,56	16.170,50

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SAI PHẠM TRONG CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUA THANH TRA

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 17/KL-TT ngày 22/11/2026 của Chánh Thanh tra)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	Giá trị dự toán	Giá trị nghiệm thu thanh toán	Giá trị thanh tra	chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
1	Đường đi khu sản xuất Kon Vi Vàng, xã Đăk Tơ Lung	2025	327	327	321,616	5,384	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công khe co không cốt thép (phân tích vật tư không trừ máy thi công)
2	Đường đi khu sản xuất nước Trú nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333	324,015	8,985	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
3	Đường đi khu sản xuất nước Krá 1 nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333	324,05	8,95	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
4	Đường đi khu sản xuất nước Krá 2 nổi dài thôn Kon Keng	2024	333	333	324,05	8,95	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
5	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Lang, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357	344,07	12,93	Lắp đặt ống thép D115 thiếu so với hồ sơ thiết kế 50m
6	Nước sinh hoạt Kon Long, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357	355,77	1,235	Không thực hiện nắp giếng bằng thép
7	Nước sinh hoạt Kon Bì, xã Đăk Tơ Lung	2024	357	357	355,77	1,235	Không thực hiện nắp giếng bằng thép
8	Đường đi khu sản xuất thôn 2 đoạn từ cầu treo thôn 2 đến nước Long. Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	2025	1.950	1.941	1.936,89	4,11	Công tác đào đất nền đường đất cấp III cộng sai số học trong hồ sơ dự toán
9	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tu Ngó - Kon Bông	2025	2.172	2.164	2.159,68	4,32	Công tác đào đất nền đường đất cấp III cộng sai số học trong hồ sơ dự toán
10	Phòng học bộ môn trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi	2025	2.713	2.698	2.694,28	3,72	Xây tường gạch tính sai số học
11	Đường đi KSX Dân Quân xã Đăk Tơ Lung	2025	701	699	696,91	2,09	Thi công lớp giấy dầu cách ly bê tông rãnh dọc không thực hiện
12	Đường đi KSX thôn Tu Rối, xã Đăk Kôi	2025	2.229	2.184	2.175,56	8,44	Công tác vận chuyển đá hỗn hợp đổ đi phạm vi từ dưới 500 m không thực hiện; Thi công cấp phối đá dăm gờ chắn nước không thực hiện

13	Đường từ tỉnh lộ 677 đi khu sản xuất nước Son nổi dài xã Đăk Tơ Lung	2025	250	250	244,55	5,46	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công khe co không cốt thép (phân tích vật tư không trừ máy thi công)
14	Sửa chữa kênh mương thủy lợi thôn 2 Kon Long xã Đăk Tơ Lung	2025	300	300	284,68	15,32	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Ván khuôn gia cố tường tính thừa so với hồ sơ dự toán
15	Đường ra KSX nước muối nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung	2025	252	252	245,20	6,80	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
16	Đường đi khu sản xuất Ngọc Tơ ve xã Đăk Tơ Lung	2025	252	252	244,08	7,92	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Đem móng cát thi công thiếu khối lượng
17	Đường đi KSX tập Nước Nhê Nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung	2025	252	252	246,61	5,39	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công khe co không cốt thép (phân tích vật tư không trừ máy thi công)
18	Đường đi KSX Nước Sa xã Đăk Tơ Lung	2025	252	252	244,65	7,35	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Đem móng cát thi công thiếu khối lượng
19	Đường đi KSX Nước Muối xã Đăk Tơ Lung	2025	252	252	245,20	6,80	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
20	Sửa chữa Đường nội thôn Kon Long xã Đăk Tơ Lung	2024-2025	370	370	360,51	9,49	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
21	Đường ra khu sản xuất thôn 2 xã Đăk Tơ Lung	2024-2025	370	370	360,67	9,33	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
22	Đường nội Thôn Kon Mong Tu xã Đăk Tơ Lung	2024-2025	252	252	245,03	6,97	Tính sai thuế giá trị gia tăng phần nhân công; Thi công giấy dầu cách ly không thực hiện
23	Sửa chữa, khắc phục đường đi khu sản xuất nước Bẫy và nước Hra thôn Kon Rá	2025	147	147	143,07	3,93	Tận dụng đá, sỏi có sẵn 50%
24	Cầu treo thôn 5 (Kon Vi Vàng) và cầu treo thôn 2 (Tu Ngó-Kon Bông) xã Đăk Kôi	2025	118,39	118,39	114,74	3,65	Nhân công chi giới hai đầu cầu tính không hợp lý
Tổng cộng			15.229,39	15.150,39	14.991,64	158,75	